



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012

## NỘI DUNG

### Thông tin chung

04	Thông tin khái quát
08	Quá trình hình thành và phát triển
10	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
12	Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
18	Định hướng phát triển
21	Các rủi ro

### Tình hình hoạt động trong năm

26	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
34	Tổ chức và nhân sự
39	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

### Báo cáo Ban Giám đốc

41	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
46	Tình hình tài chính
47	Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Đánh giá Hội đồng quản trị

50	Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
52	Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
52	Kế hoạch, định hướng của HĐQT

### Quản trị Công ty

55	Hội đồng quản trị
60	Ban Kiểm soát
62	Thù lao của HĐQT, BGD, BKS
63	Thông tin về cổ phần và cổ đông

### Báo cáo tài chính



# VST

## I. Thông tin chung

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức**

**Định hướng phát triển**

**Các rủi ro**

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế : Viet Nam Transport and Chartering Joint Stock Company
- Logo doanh nghiệp : 
- Giấy CNĐKKD : Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103008926** do Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 6 ngày 17 tháng 07 năm 2012 với mã doanh nghiệp là **0300447809**
- Vốn điều lệ : **589.993.370.000 VNĐ** (Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Vốn chủ sở hữu : **529.227.333.694 VNĐ** (Năm trăm hai mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng)
- Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại : (08) 3940 4271
- Số fax : (08) 3940 4711
- Website : [www.vitranschart.com.vn](http://www.vitranschart.com.vn)
- Email : [vtc-hcm@vitranschart.com.vn](mailto:vtc-hcm@vitranschart.com.vn)
- Mã cổ phiếu : **VST**

## Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



### Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2012 đánh dấu chặng đường 37 năm hình thành và phát triển của Vitranschart JSC. Trên chặng đường ấy, Công ty luôn nỗ lực không ngừng để mang lại giá trị cho khách hàng, đối tác và cổ đông của Công ty.

Năm 2012 là năm Công ty đã hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn. Sự kéo dài của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của kinh tế. Năm nay đã chứng kiến mức tăng trưởng GDP thấp nhất trong 13 năm trở lại đây của nền kinh tế Việt Nam. Trong tình hình khó khăn ấy, vận tải biển là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Về ngành vận tải biển, một số khó khăn vẫn còn tồn tại như: tình trạng cung vượt cầu trên thị trường vận tải biển vẫn chưa được cải thiện; sản lượng công nghiệp liên tục giảm ở hầu hết các nước phát triển, đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi đã làm cho hàng hóa khan hiếm. Sự mất cân đối này đã làm cho chỉ số BDI giảm mạnh. BDI bình quân 2012 chỉ ở mức 920,4 điểm, giảm hơn 40% và BHSI là 516,4 điểm, giảm 28% so với 2011. Đến cuối năm 2012, chỉ số BDI và BHSI đóng cửa ở mức 669 điểm và 447 điểm.

Sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đã đẩy nhiều Công ty vận tải biển trong và ngoài nước đến việc bán tháo tàu và tuyên bố phá sản. Tuy nhiên, Vitranschart JSC đã cố gắng duy trì hoạt động, ổn định sản xuất, đây là nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên của Công ty.

Trong năm 2013, những rủi ro tiềm ẩn của nền kinh tế nói chung và ngành tàu biển nói riêng vẫn đang còn đó. Nhưng với những yếu tố vững vàng từ nội lực như: nền tảng uy tín, chất lượng phục vụ; đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên kinh nghiệm, năng động sáng tạo; hệ thống kinh doanh tiên tiến. Tôi tin rằng những khó khăn trước mắt sẽ là thử thách để khẳng định bản lĩnh của Công ty.

Sau cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến sự nỗ lực vượt lên khó khăn của hơn 1.100 cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên của Công ty. Tôi xin gửi lời tri ân đến niềm tin của Quý Cổ đông, Quý vị đối tác đã dành cho Công ty trong thời gian qua. Đây sẽ là động lực để Công ty tiếp tục vượt lên sóng gió và chinh phục những đỉnh cao mới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Chủ tịch HĐQT**

**Huỳnh Hồng Vũ**

Những thành tích Công ty đã đạt được



Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Quyết định số 822/QĐ-CTN ngày 30/05/2011, Chủ tịch Nước CHXHCN VN đã "Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì" cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Quyết định số 3062/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011, Bộ trưởng Bộ GTVT đã "Tặng Cờ Thi đua xuất sắc năm 2011" của Bộ Giao thông Vận tải cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2011.



## Các hoạt động nổi bật trong năm 2012

Hoạt động chào mừng kỉ niệm 67 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9



Công tác khuyến học tại tỉnh Bình Định

Hoạt động kỷ niệm 65 năm Ngày thương binh liệt sỹ



Hội nghị người lao động 2012

Kỷ niệm 82 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2012)



Gặp mặt, thăm hỏi và tặng quà cho gia đình SQTV

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin chung

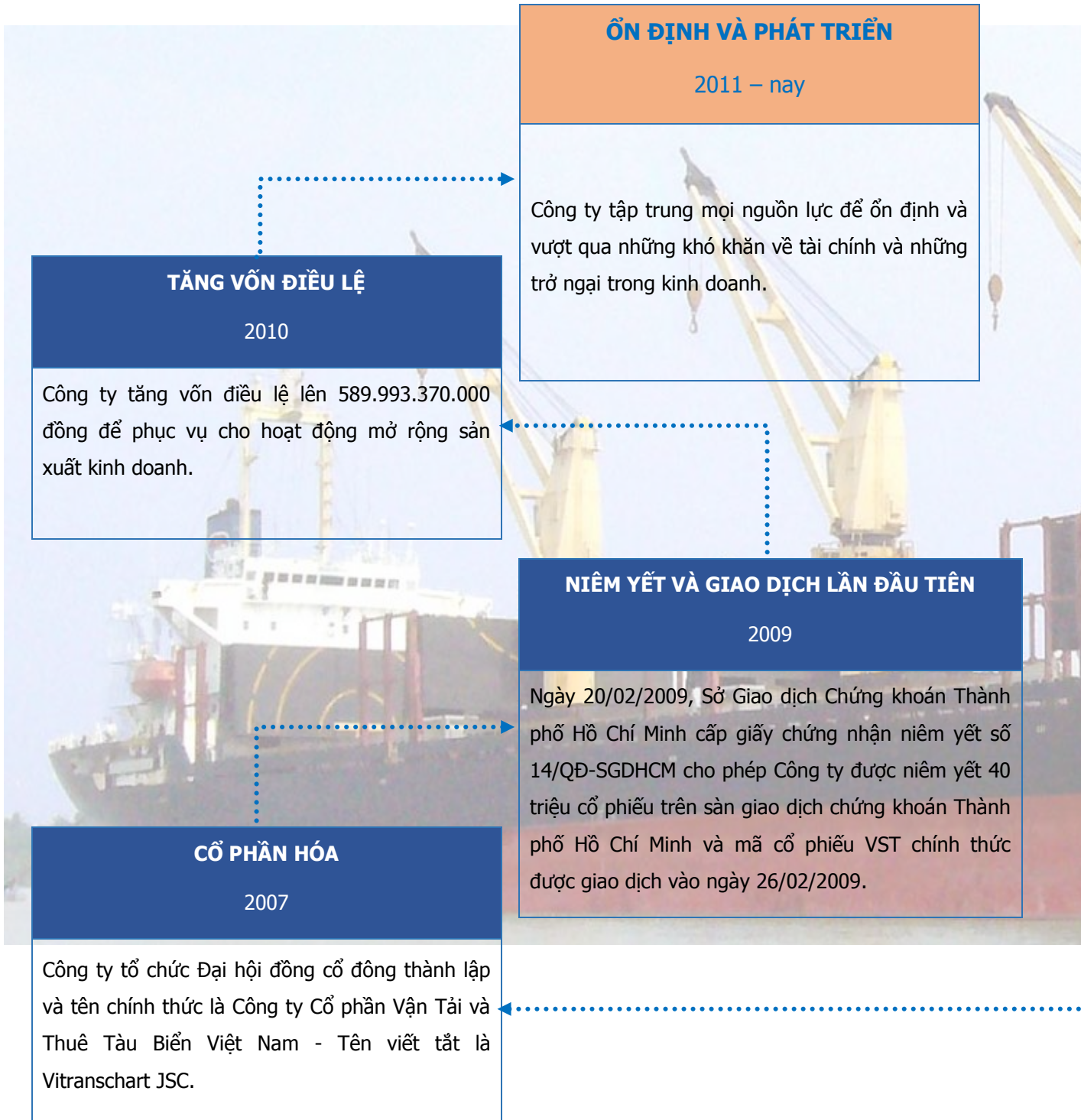
Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính





### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



#### Kinh doanh vận tải biển

Đây là lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty, chuyên khai thác vận tải biển. Tính đến 2012, hệ thống đội tàu vận tải của Công ty đã phủ rộng khắp thế giới. Các mặt hàng Công ty hay chuyên chở bao gồm hàng rời và bao kiện, hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các nguyên liệu, thành phẩm, sản phẩm khác.

#### Đại lý tàu biển

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng ở Việt Nam.



#### Kinh doanh kho bãi

Hiện Công ty đang khai thác hơn 30.000m<sup>2</sup> kho bãi tại khu công nghiệp Nhơn Bình, Bình Định. Đáp ứng phần nào nhu cầu của khách hàng xuất nhập khẩu qua cảng Quy Nhơn.

### **Sửa chữa và bảo dưỡng tàu (SSR LTD)**

Công ty cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các thiết bị máy móc cho hệ thống tàu biển gồm: máy chính, động cơ diesel và máy phụ như máy nén không khí, thiết bị tời neo, trục quay, thiết bị làm hàng, trục chân vịt, các loại máy bơm, hàn mặt boong, đáy, mạn, gò rĩ và sơn tàu, v.v...



### **Cung ứng dịch vụ và Xuất nhập khẩu (PDIMEX JSC)**

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các Nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- Cung cấp đá Pozzolan cho các Nhà máy xi măng.
- Vận chuyển clinker cho các Nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm:
  - + Cung ứng vật tư cho tàu.
  - + Sửa chữa và bảo dưỡng phao bể cứu sinh.
  - + Gó rĩ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.

### **Môi giới và cung ứng xuất khẩu thuyền viên (SCC)**

Tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty, các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Công ty còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.050 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.

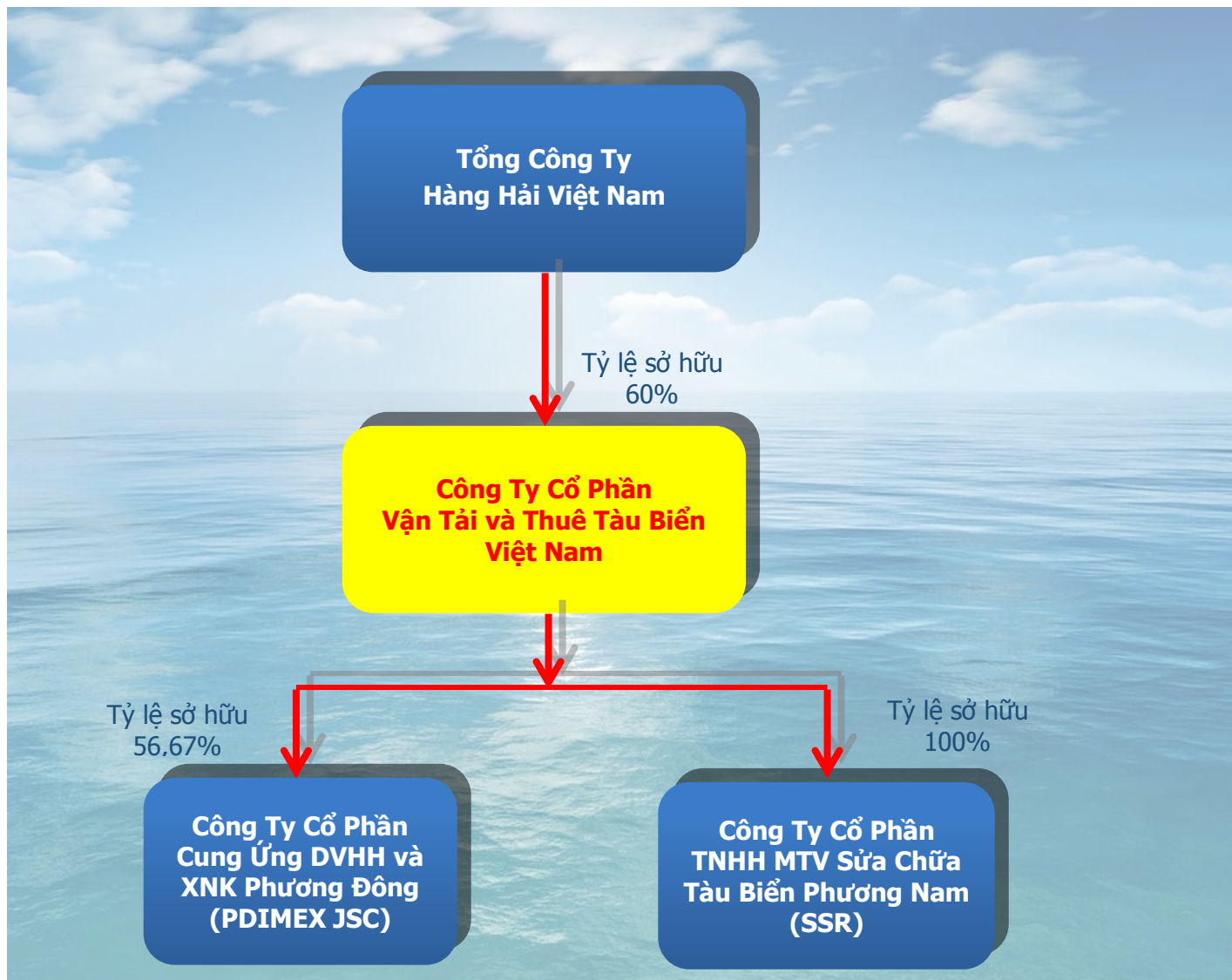




#### 4. Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

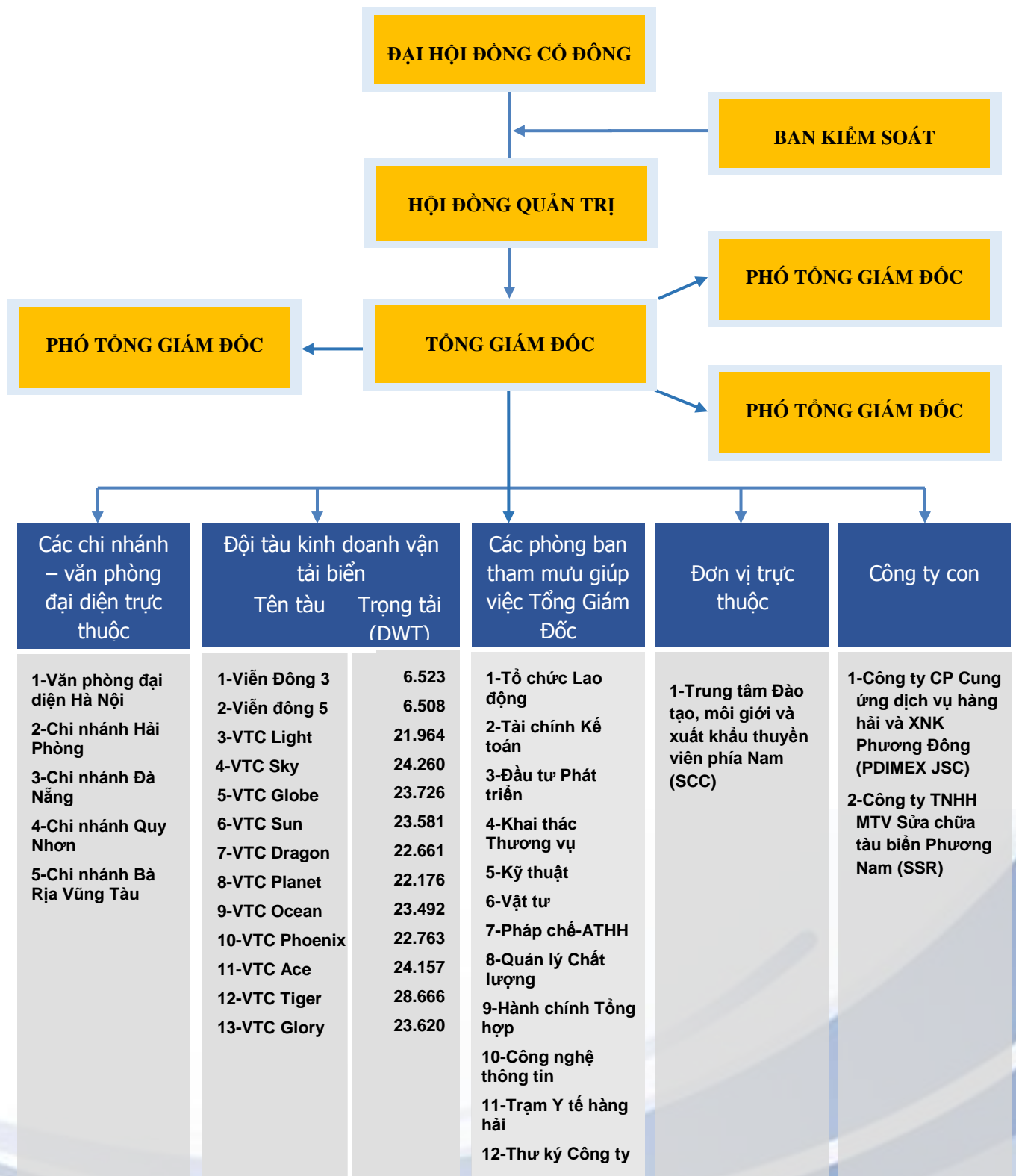
##### Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty hiện đang áp dụng là mô hình mẹ con với **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam** là Công ty mẹ với tỷ lệ sở hữu là 60% vốn cổ phần. **Công Ty Cổ Phần Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)** và **Công Ty Cổ Phần TNHH MTV Sửa Chữa Tàu Biển Phương Nam (SSR)** là Công ty con với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 56,67% và 100%.





**Cơ cấu tổ chức**



Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



### Danh sách thành viên Ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị	
<b>Huỳnh Hồng Vũ</b>	Chủ tịch
<b>Trương Đình Sơn</b>	Phó Chủ tịch
<b>Phạm Thị Cẩm Hà</b>	Thành viên
<b>Huỳnh Nam Anh</b>	Thành viên
<b>Tô Thị Thu Vân</b>	Thành viên
<b>Nguyễn Minh Cường</b>	Thành viên
Ban Giám đốc	
<b>Trương Đình Sơn</b>	Tổng Giám đốc
<b>Huỳnh Nam Anh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Phạm Thị Cẩm Hà</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Dương Đình Ninh</b>	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	
<b>Vũ Minh Phượng</b>	Trưởng ban
<b>Nguyễn Thị Băng Tâm</b>	Thành viên
<b>Lê Thị Hồng Ánh</b>	Thành viên

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

Các công ty con, công ty liên kết

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



**Công Ty Cổ Phần  
Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông  
(PDIMEX JSC)**

**Vốn điều lệ** 18.000.000.000 đồng

**Tỷ lệ góp vốn** 56,67%

**Trụ sở chính** 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Lĩnh vực hoạt động**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác trong: Thương mại, hàng hải và các dịch vụ khác.
- Bán buôn sơn.
- Vận tải hàng hóa ven biển, Vận tải hàng hóa viễn dương.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ tàu thuyền.
- Đại lý và cung ứng tàu biển.
- Vận tải đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển.
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn nguyên vật liệu xây dựng thiết bị lắp đặt khác.
- Bán buôn xi măng, clinker, thạch cao.
- Xây dựng nhà ở các loại.
- Kinh doanh bất động sản.

**Hoạt động kinh doanh chính**

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các Nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- Cung cấp đá Pozzolan cho các Nhà máy xi măng.
- Vận chuyển clinker cho các Nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm:
  - Cung ứng vật tư cho tàu
  - Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh
  - Gõ rỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu



**Công Ty Cổ Phần  
TNHH MTV Sửa Chữa Tàu Biển Phương Nam  
(SSR)**

**Vốn điều lệ** 5.500.000.000 đồng

**Tỷ lệ góp vốn** 100%

**Trụ sở chính** 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Ngành nghề hoạt động**

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống
- Sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt hệ thống điện
- Cho thuê xe có động cơ
- Bốc xếp hàng hóa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn gạo

**Hoạt động kinh doanh  
chính**

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)



*Công ty nắm trên 50% vốn cổ phần*

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



## Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

**Là Công ty sở hữu 60% vốn cổ phần của CTCP Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam**

**Số lượng cổ phần năm giữ**

35.400.000 cổ phần

**Trụ sở chính**

Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội

**Ngành nghề hoạt động**

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức; Khai thác cảng biển, cảng sông; Kinh doanh kho. Bãi. Dịch vụ logistic; Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy. Sửa chữa tàu biển;
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu chuyên ngành hàng hải; Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong nước; đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hóa phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài bằng ngoại tệ hợp pháp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; Xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; Kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu;
- Tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thủy, đường bộ trong và ngoài nước; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan;
- Giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; Cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;
- Các loại hoạt động hỗ trợ vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không, đường ống. Phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;
- Vận tải hành khách bằng ô tô; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, xăng dầu chất đốt;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ; san lấp mặt bằng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng; dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); kinh doanh cửa hàng miễn thuế, mua bán rượu, thuốc lá; Kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông; Dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

**Hoạt động kinh doanh chính**

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông; Kinh doanh kho. Bãi. Dịch vụ logistic;
- Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.



## 5. Định hướng phát triển

Thông tin chung

Bên cạnh các tuyến truyền thống, tiếp tục tập trung khai thác các tuyến tới Bắc Mỹ (Canada), Úc và Bắc Âu là những thị trường mới được triển khai trong những năm qua, tối ưu hóa việc khai thác, kết hợp nhiều phương thức khai thác, tìm kiếm hợp đồng COA (Contract of Affreightment), Voyage Charter, Time Charter.

Tình hình hoạt động

Kiểm soát chặt chẽ chi phí, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, phụ tùng vật tư, v.v... Tăng vốn điều lệ tạo nguồn đầu tư, trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội tàu. Lựa chọn thuyền viên có chất lượng cũng như khuyến khích thuyền viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, vận hành an toàn, giữ gìn và bảo quản tàu tốt để nâng cao tính cạnh tranh của đội tàu Công ty trên thị trường.

Báo cáo Ban Giám đốc

Thực hiện triệt để tái cơ cấu Công ty theo kế hoạch tái cơ cấu của Vinalines. Trong đó, tập trung ổn định và phát triển vận tải biển - ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Trước mắt, từ 2013-2015 Công ty không đầu tư tàu (kể cả đóng mới và mua tàu đã qua sử dụng), thực hiện bán một số tàu cũ, kinh doanh không hiệu quả để tập trung mọi nguồn lực nhằm ổn định và duy trì sản xuất, đối phó với những khó khăn kéo dài do suy thoái kinh tế gây ra trong thời gian từ 2008 đến nay.

Đánh giá Hội đồng quản trị

Bên cạnh đó, Công ty nghiên cứu thuê tàu theo hình thức Bare boat để tăng năng lực sản xuất, tăng cạnh tranh, nâng cao uy tín Công ty trên thị trường, cải thiện kết quả SXKD, duy trì lực lượng SQTV có tay nghề cao. Khi thị trường phục hồi, dự báo sau 2015, Công ty triển khai đóng mới tàu supramax 56.200 Dwt và đầu tư thêm 03 tàu đã qua sử dụng trọng tải từ 28.000 đến 34.000 Dwt để đến năm 2018, đội tàu Công ty có 13 tàu với tổng trọng tải 355.000 Dwt.

Quản trị công ty

Nâng cao Quản lý chất lượng đội tàu và trên bờ thông qua Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) của ISMcode, Hệ thống An ninh tàu biển ISPS code, hoàn thiện và nâng cao Hệ thống ERP, xây dựng hệ thống MLC-2006 và ISO 9000-2008, áp dụng phần mềm quản lý tàu Maritime software (Fleet management solution) cho đội tàu Vitranschart và các bộ phận liên quan để tất cả CBCNV và SQTV đều am hiểu và áp dụng hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn cho người, hàng hóa, tài sản và tăng tính cạnh tranh, nâng cao vị thế của Vitranschart trên thị trường vận tải biển trong và ngoài nước..

Báo cáo tài chính



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

**Đối với môi trường**

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải nhằm mục đích giữ cho môi trường luôn trong sạch, nâng cao chất lượng môi trường làm việc của công nhân viên Công ty. Công ty luôn không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng những chiến dịch bảo vệ môi trường, chấp hành nghiêm túc những quy định nhằm nâng cao ý thức của mọi thành viên trong tổ chức.

**Đối với xã hội**

Với gần 40 năm hình thành và phát triển, Ban lãnh đạo công đặc biệt quan tâm đến trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Bên cạnh công tác kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua các hoạt động gây quỹ, ủng hộ, xây dựng các quỹ vì người nghèo, v.c... Các hoạt động của Công ty trong năm nay gồm:

- Đảm bảo thu nhập và việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên;
- Tổ chức vận động trong cán bộ công nhân viên, SQTV đóng góp ủng hộ Quỹ vì người nghèo năm 2012 với số tiền ủng hộ hơn 164.000.000 đồng;
- Công đoàn Công ty đã đóng góp ủng hộ Quỹ vì người nghèo của Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 30.000.000 đồng;
- Tổ chức đi thăm, tặng quà cho Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn tại Bình Dương, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi tại Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh nhân dịp Tết Nguyên đán 2012;
- Thực hiện xây 02 căn nhà tình nghĩa (trị giá 50.000.000 đồng/căn) nguồn kinh phí trích từ Quỹ vì người nghèo của Công ty và vận động trong cán bộ công nhân viên, SQTV của Công đoàn Trung tâm SCC để tặng cho các gia đình diện chính sách tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Công đoàn Công ty cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông đã vận động cán bộ công nhân viên của đơn vị hưởng ứng, đóng góp xây 02 căn nhà tình thương, trị giá 40.000.000 đồng để tặng cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.



- Nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/07, tổ chức cho cán bộ công nhân viên, đi viếng tại Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố, thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Tổ chức cho cán bộ công đoàn và các đoàn viên đạt thành tích trong hoạt động công đoàn tham gia chuyển đi về nguồn viếng liệt sỹ tại nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, Thành cổ Quảng Trị.



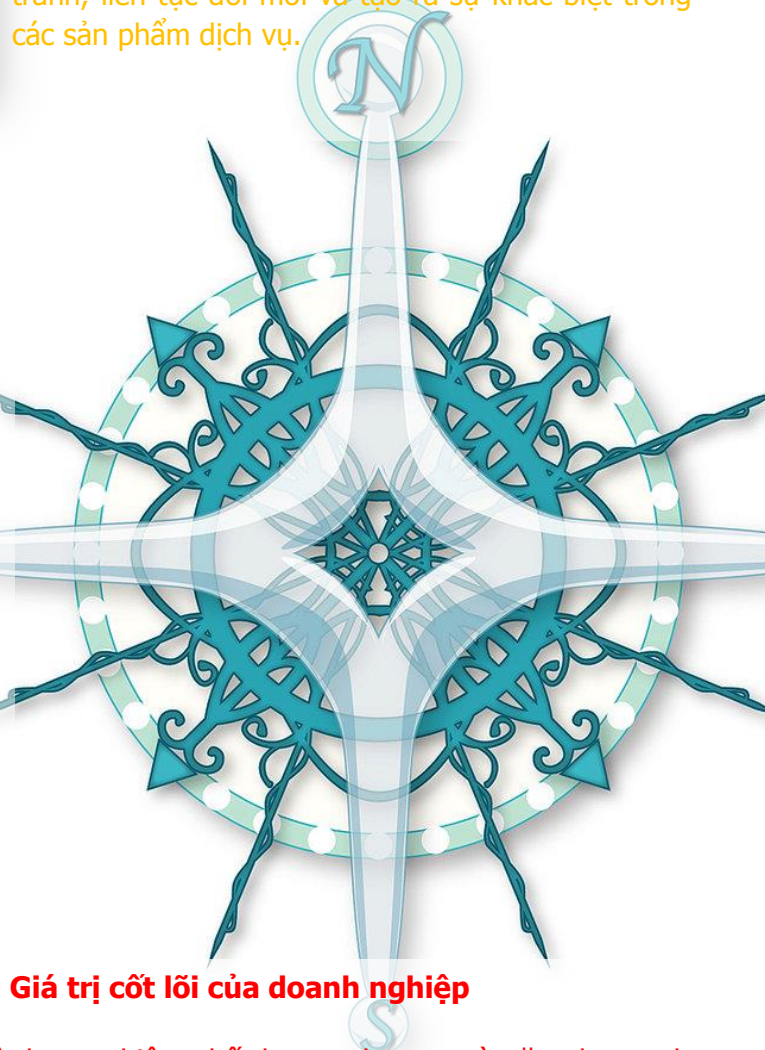
### Tâm nhìn

Trở thành một trong những công ty vận tải biển hàng đầu khu vực Đông Nam Á đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển hàng khô rời, là đối tác tin cậy của khách hàng trên khắp thế giới qua việc cung cấp chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn với giá cạnh tranh, liên tục đổi mới và tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ.

### Sứ mệnh, tôn chỉ hoạt động

Vitranschart là doanh nghiệp chuyên vận chuyển hàng hoá khắp thế giới bằng đường biển. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào chuỗi logistics toàn cầu, Chúng tôi còn tham gia hoạt động ở các lĩnh vực về dịch vụ hàng hải khác với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh.

Chúng tôi luôn tin rằng trách nhiệm hàng đầu của mình là không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì thế chúng tôi luôn nỗ lực tái cấu trúc và hiện đại hóa, trẻ hoá đội tàu, xây dựng một hệ thống chất lượng cung cấp dịch vụ vận tải đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng. Chúng tôi luôn tìm mọi cách để nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, củng cố và phát triển thị trường ...



### Giá trị cốt lõi của doanh nghiệp



- Uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh;
- Luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi;
- Đội ngũ CBCNV-SQTV giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
- Tuân thủ luật pháp;
- Kinh doanh bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- An toàn cho con người, phương tiện và hàng hóa, bảo vệ môi trường;
- Văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ;

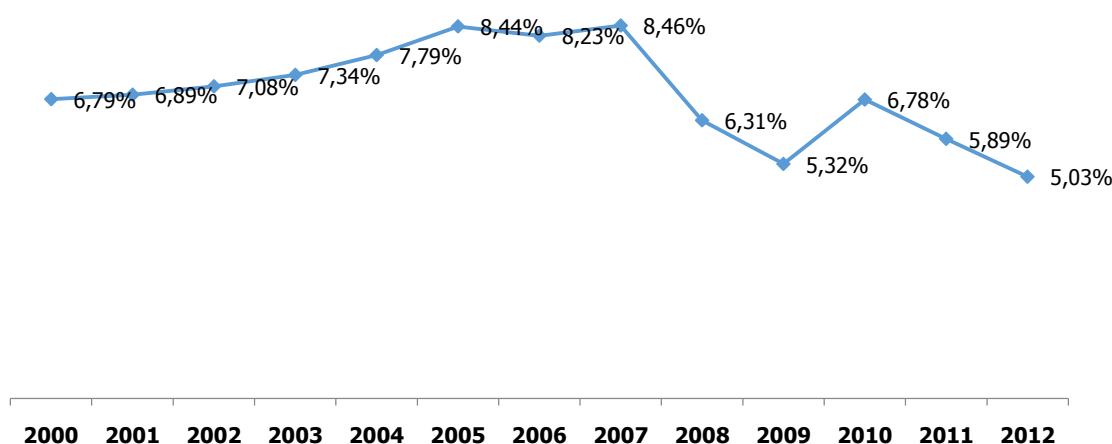
## 6. Các rủi ro

### Rủi ro về kinh tế

Ngành vận tải biển là ngành có sự phát triển luôn đi cùng với những diễn biến của nền kinh tế. Trong năm 2012, GDP nước ta có tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Theo công bố Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2013 (GEF) của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm lại ở mức 5,2% trong năm 2013, 5,5% ở năm 2014 do các biện pháp bình ổn. Tuy nhiên cũng

theo WB, bốn năm sau khi bùng nổ khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế thế giới vẫn còn rất mong manh và tăng trưởng kinh tế ở các nước thu nhập cao còn rất yếu ớt, vẫn còn đó tiềm ẩn của những cuộc suy thoái khác. Điều này có khả năng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

### Rủi ro về pháp luật

Là Công ty cổ phần, nên hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Vitranschart liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường trên biển. Vitranschart luôn tuân thủ các công ước Quốc tế về an toàn môi trường, bảo vệ sinh mạng trên biển. Do đó những thay đổi về quy định an toàn của Nhà nước và Quốc tế cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Tuy nhiên, điều này cũng là cách phòng ngừa các thiệt hại nặng nề có thể xảy ra cho hoạt động vận tải trên biển.



**Rủi ro trong kinh doanh**

*Tác động của biến động giá dầu trên thế giới*

Hiện nay, tình hình vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, không chỉ chịu áp lực về giá cước mà còn vì sự biến động không ngừng của thị trường nhiên liệu. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển, nên kết quả sản xuất kinh doanh của Vitranschart bị ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn từ giá xăng dầu. Thực tế, phần lớn lượng xăng dầu tiêu thụ của Vitranschart hiện nay là mua trực tiếp từ nước ngoài nên những biến động của giá dầu thế giới tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Nguồn: [www.nasdaq.com](http://www.nasdaq.com)

*Tác động từ các quy định về vận tải biển trên thế giới*

Khi hoạt động vận tải biển thì Vitranschart phải tuân thủ các công ước quốc tế, các quy định của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) như Solas, SCTW, Marpol, và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS), của Tổ chức lao động thế giới (ILO) như MLC-2006.

Trong các qui định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu và các nhà kinh doanh hàng hải phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo và đào tạo lại sĩ quan, thuyền viên đã làm cho chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đáng kể vì phải trang bị thêm các thiết bị an ninh, an toàn để đáp ứng yêu cầu trên. Chính vì vậy làm tăng thêm các chi phí đầu vào của Công ty và ảnh hưởng

phần lớn hiệu quả sản xuất kinh doanh vận tải biển. Tuy nhiên, một khi đầu tư thêm trang thiết bị và thực hiện các quy định mới thì đội tàu Vitranschart được an toàn hơn, giảm các rủi ro, tai nạn về người, tàu, hàng hóa làm tăng hiệu quả khai thác, kinh doanh.



Tác động từ thị trường vận tải thế giới

### Chỉ số BDI



Nguồn: [www.bloomberg.com](http://www.bloomberg.com)

Chỉ số giá BDI (Baltic Dry Index) là chỉ số giá cước vận chuyển hàng khô bằng đường biển, chỉ số này phản ánh mức độ cung cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường. Từ những biến động này ta xác định được xu hướng phát triển của ngành vận tải biển quốc tế. Trong thời gian qua, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, sản xuất ngừng trệ dẫn sản lượng công nghiệp liên tục giảm ở cả những nước phát triển, đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi đã làm cho hàng hóa khan hiếm, kéo theo sự tụt dốc của nhu cầu vận chuyển. Trong khi đó lượng tàu đóng mới liên tục xuất xưởng từ những hợp đồng đặt đóng trước đó càng làm cho tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu trong vận tải biển trở nên trầm trọng và chưa có dấu hiệu cải thiện. Năm 2012, thương mại toàn cầu chỉ tăng 3,2% so với 2011, nhu cầu vận chuyển tăng 7% trong khi đội tàu đã tăng trưởng với mức gần 10% mỗi năm và đạt 1.534 triệu Dwt vào tháng 01/2012, trong đó đội tàu hàng khô rời tăng trưởng mạnh nhất với 17% mỗi năm và đạt mức tăng 60% trong vòng 4 năm qua làm cho tổng trọng tải đội tàu này chiếm 40,6% tổng trọng tải đội tàu thế giới. Sự mất cân đối này đã làm cho chỉ số BDI giảm mạnh. BDI bình quân 2012 chỉ ở mức 920,4 điểm, giảm hơn 40% và BHSI là 516,4 điểm, giảm 28% so với 2011. Đến cuối năm 2012, chỉ số BDI và BHSI đóng cửa ở mức 669 điểm và 447 điểm. Theo đó, giá cước vận chuyển của Công ty liên tục giảm và gây ảnh hưởng lớn đến doanh thu và kết quả kinh doanh khi mà hơn 95% các hợp đồng của Vitranschart là vận chuyển hàng hóa đi các tuyến quốc tế như Tây Phi, Trung Mỹ, Nam Mỹ, Đông Nam Á, v.v...

Bên cạnh các rủi ro trong kinh doanh trên, việc gia nhập WTO cũng sẽ làm xu thế giá dịch vụ hàng hải giảm do các Công ty vận tải nước ngoài có kinh nghiệm và phương tiện tốt hơn các doanh nghiệp trong nước tạo nên tính cạnh tranh cao. Như vậy, theo xu hướng này, doanh thu và lợi nhuận của Vitranschart cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành sẽ có khả năng bị ảnh hưởng tùy theo mức độ điều chỉnh về giá thành dịch vụ cũng như việc đầu tư để nâng cao chất lượng dịch vụ sau này.

***Rủi ro ảnh hưởng tỷ giá***

Trong hoạt động dịch vụ vận tải, hầu hết doanh thu của Vitranschart là bằng ngoại tệ. Bên cạnh đó, trong các khoản chi phí của Công ty như chi phí nhiên liệu cho các nhà cung cấp và chi phí trả cho các nhà môi giới nước ngoài Vitranschart cũng thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Vì vậy sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

***Rủi ro khác***

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

# VST

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

**Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### ***Tổng quan***

Năm 2012 khởi đầu với những khó khăn về mọi mặt, tuy nhiên nền kinh tế đất nước có những bước chuyển mình khả quan. Lạm phát đã giảm từ đỉnh điểm 23% hồi tháng 08/2011 xuống còn 7,5% trong tháng 12/2012. Tỷ giá không chính thức dao động trong biên độ  $\pm 1\%$  so với tỷ giá chính thức hầu như suốt cả năm. Nguồn cung USD tăng trên thị trường giúp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường dự trữ ngoại hối. Tiền đồng giảm giá, giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, duy trì lãi suất thực dương và cắt giảm một số dự án đầu tư công lãng phí là những ví dụ minh chứng cho quyết tâm của Chính phủ trong việc đối phó với những bất ổn kinh tế vĩ mô.

Tuy nhiên, nền kinh tế trong nước và thế giới năm 2012 vẫn còn tồn tại rất nhiều khó khăn, đã làm cho ngành vận tải biển cũng đang chịu tác động rất tiêu cực. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp đã phải có những thay đổi quan trọng trong kế hoạch phát triển, đồng thời nỗ lực hết mình để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số doanh nghiệp lớn đã điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp, hoặc phải thu hẹp hoạt động sản xuất hay thậm chí chấp nhận giảm lợi nhuận để duy trì hoạt động và công ăn việc làm cho người lao động. Đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, một số đã chọn giải pháp tạm ngừng hay thậm chí chấm dứt hoạt động.

Với những diễn biến còn phức tạp, tình trạng cung vượt quá cầu trên thị trường vận tải biển vẫn chưa được cải thiện. Sản lượng công nghiệp liên tục giảm ở cả những nước phát triển, đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi đã làm cho hàng hóa khan hiếm. Sự mất cân đối này đã làm cho chỉ số BDI giảm mạnh.

Theo nhận định của Fitch Ratings (một trong ba cơ quan xếp hạng tín dụng hàng đầu trên thế giới), ít nhất cho đến năm 2014, khi tỷ lệ tàu thải trên phá dỡ tăng, đơn đặt hàng đóng tàu giảm và cải thiện cầu vận tải thì thị trường mới gần hơn điểm cân bằng cung - cầu. Do đó, thời tại thời điểm này, thành tích đạt được không còn nằm ở con số lợi nhuận mà sự tồn tại đã là thành công lớn đối với doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.

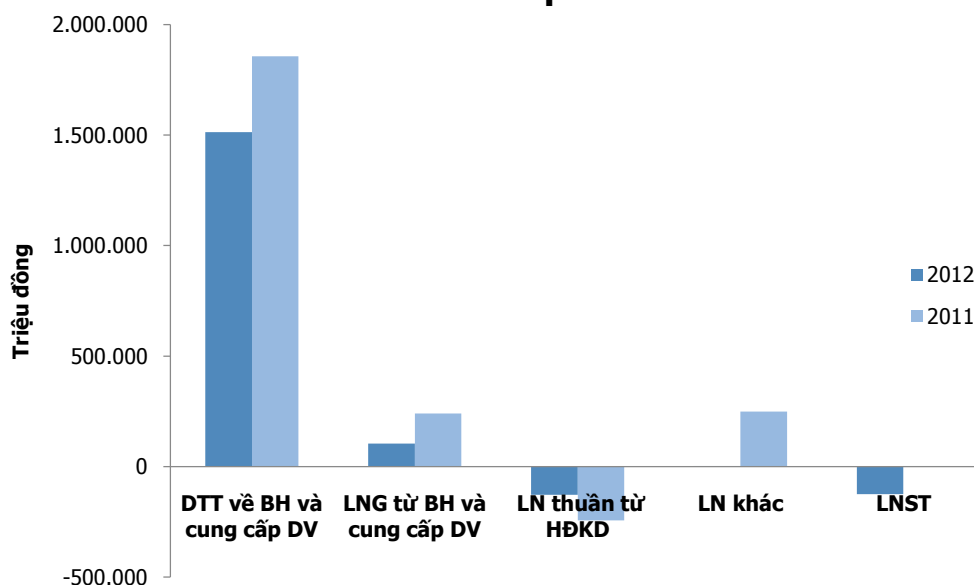


Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2012	2011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.513.164,30	1.856.817,84
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	103.520,41	240.211,85
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-127.278,78	-243.253,21
Lợi nhuận khác	2.701,29	248.378,17
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-124.577,50	5.124,97
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-124.699,29	2.440,88
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	272,49	1.353,50
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	-124.971,77	1.087,39
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng)	-2.113,57	41,37

Kết quả kinh doanh



Tình hình ảm đạm của nền kinh tế và sự mất cân đối trong cung cầu đã làm kết quả kinh doanh của Công ty tiếp tục sụt giảm so với năm trước. Trong năm nay, Công ty đạt 1.513.164,30 triệu đồng doanh thu thuần, giảm gần 19% so với năm 2011. Bên cạnh doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm mạnh, Công ty lại không thu được khoản lợi nhuận bất thường từ việc bán tàu. Tình trạng thu không đủ bù chi đã làm lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 124.699,29 triệu đồng.



Về những thay đổi chính trong hoạt động kinh doanh của Công ty. So với 2011, vùng tuyến khai thác của đội tàu có một số thay đổi như sau:

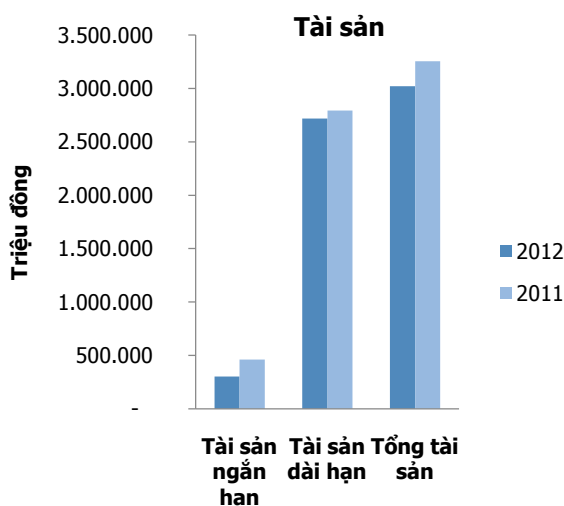
- Trong khu vực Đông Nam Á: 36% (giảm 18,65 chuyến)
- Đông Nam Á/Tây Phi: 15% (tăng 4,73 chuyến)
- Nam Mỹ/Tây Phi: 14% (tăng 7,48 chuyến)
- Nam Mỹ/Đông Nam Á: 12% (giảm 2,3 chuyến)
- Nam Á/Đông Nam Á: 5% (tăng 1,9 chuyến)
- Các tuyến khác: 19% (giảm 25,21 chuyến)

**Về tài sản**

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	2012	2011
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	301.645,24	462.491,11
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.281,02	176.583,84
Các khoản phải thu	111.021,53	120.542,90
Hàng tồn kho	87.071,57	102.783,48
Tài sản ngắn hạn khác	59.271,11	62.580,90
<b>Tài sản dài hạn</b>	2.717.610,20	2.793.149,06
Tài sản cố định	2.666.867,08	2.741.689,51
Tài sản dài hạn khác	50.319,82	50.975,10
<b>Tổng tài sản</b>	3.019.255,44	3.255.640,17

Đến hết năm 2012, tổng giá trị tài sản của Công ty là 3.019.255,44 triệu đồng, giảm 7,3% so với năm 2011. Giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty giảm mạnh (34,8%) chủ yếu đến từ việc sụt giảm trong giá trị tiền và khoản tương đương tiền, giảm đến 74,9% so với năm ngoái. Tình trạng thiếu nguồn lực tài chính đã buộc Công ty giảm mạnh lượng tiền gửi ngân hàng từ mức 118,3 tỷ đồng trong năm 2011, xuống chỉ còn 11,9 tỷ đồng trong năm 2012 để giảm số dư nợ vay. Các chỉ tiêu còn lại đều giảm nhẹ so với năm trước.



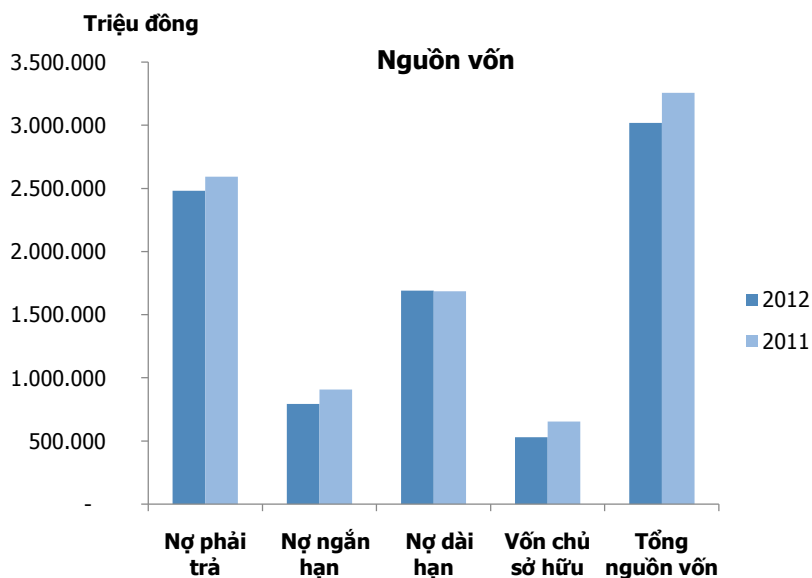


**Về nguồn vốn**

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn	2012	2011
<b>Nợ phải trả</b>	2.481.601,60	2.593.552,44
Nợ ngắn hạn	792.264,93	907.509,24
Nợ dài hạn	1.689.336,67	1.686.043,19
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	529.227,33	652.690,34
<b>Tổng nguồn vốn</b>	3.019.255,44	3.255.640,17

Giá trị tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty đều giảm so với năm trước. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty giảm 18,9% so với năm 2011, vì hoạt động kinh doanh không thuận lợi đã làm giảm giá trị nguồn vốn chủ sở hữu. Tổng nợ của Công ty cũng giảm 4,3% so với năm trước, chủ yếu đến từ việc Công ty đã giảm mạnh lượng vay nợ ngắn hạn và việc thanh toán các khoản nợ bằng tiền gửi ngân hàng của Công ty. Bên cạnh tình trạng sản xuất kinh doanh yếu đến từ lực cầu yếu, Công ty còn gặp phải vấn đề từ số dư nợ lớn, làm hạn chế khả năng tiếp cận với nhà cung cấp tốt.





**Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012 (đầu năm)	Kế hoạch 2012 (điều chỉnh)	Thực hiện 2012	% Thực hiện KH 2012(đn)	% Thực hiện KH 2012(đc)
Doanh thu thuần	1.579.196,29	1.491.673,99	1.513.164,30	96%	101%
Lợi nhuận từ HĐKD	-89.979,72	-126.007,79	-127.278,78	-	-
Lợi nhuận khác	97.000,00	1.007,79	2.701,29	3%	268%
Lợi nhuận trước thuế	7.020,28	-125.000,00	-124.577,50	-	-
Lợi nhuận sau thuế	5.265,21		-124.971,77	-	-

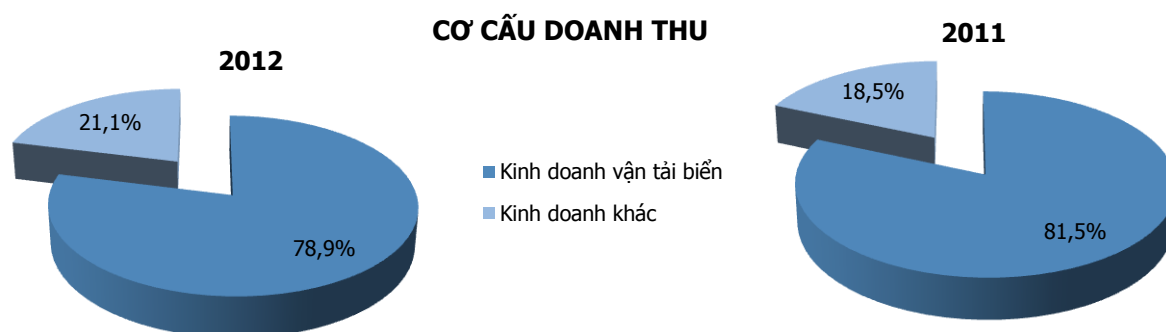
Mặc dù đã có sự cố gắng trong việc hoàn thành các chỉ tiêu được đề ra trong năm, nhưng tình hình chung của ngành nói riêng và nền kinh tế nói chung đã khiến Công ty gặp rất nhiều khó khăn. So với kế hoạch được đề ra đầu năm, Công ty đã không hoàn thành, sự nỗ lực của Công ty được thể hiện qua việc thực hiện tốt các chỉ tiêu đã được điều chỉnh trong năm 2012. Trong đó, doanh thu thuần bằng 101% và lợi nhuận khác bằng 268% so với kế hoạch điều chỉnh.

**Về cơ cấu doanh thu**

(Đơn vị: tỷ đồng)

Lĩnh vực kinh doanh	2011		2012		% Thay đổi
	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)	
Kinh doanh vận tải đường biển	1.544,69	81,5%	1.222,51	78,9%	-20,86%
Kinh doanh các dịch vụ khác	351,11	18,5%	327,19	21,1%	-6,81%

**Doanh thu** vận tải biển thực hiện 1.222,51 tỷ đồng, không đạt yêu cầu kế hoạch hơn 7% và giảm 21% so với 2011. Trong đó, doanh thu đội tàu thực hiện 1.155,9 tỷ đồng (chiếm 94,6% doanh thu vận tải), không đạt yêu cầu kế hoạch gần 9% và giảm 22% so với 2011, tương ứng giảm 321,2 tỷ đồng.





Ngoài nguyên nhân năng lực vận tải và sản lượng giảm như đã trình bày trên thì còn do mức cạnh tranh trong thị trường vận tải biển ngày càng tăng, bên cạnh việc tích cực tìm những chuyến hàng có giá cước tốt, Công ty cũng phải chấp nhận giảm giá cước một số chuyến hàng để có hàng chạy. Cụ thể, so với cùng kỳ 2011:

- Cước chở gạo bình quân giảm 15%, trong đó các tuyến Đông Nam Á - Tây Phi/ Tây Á giảm 13%, trong khu vực Đông Nam Á giảm 8%, Nam Mỹ - Tây phi giảm 26%.
- Cước chở nông sản bình quân giảm 25%, trong đó tuyến Nam Mỹ/ Đông Nam Á giảm 17%, Nam Á/ Đông Nam Á tăng 8%.
- Cước chở đường bình quân tăng 8%, trong đó tuyến Nam Mỹ/ Tây phi tăng 26%.
- Cước chở phân bón bình quân tăng 55%, tuy nhiên những tuyến Đông Bắc Á/ Đông Nam Á giảm 8%, trong khu vực Đông Nam Á giảm 11%.

*Tình hình thực hiện so với kế hoạch*

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2012 (đầu năm)	KH 2012 (điều chỉnh)	Năm 2012	Năm 2011	<u>2012</u> KH2012 (đn)	<u>2012</u> 2011
<b>1. SL vận chuyển</b>	<b>Tấn</b>	1.669.450	1.567.000	1.590.798	2.314.642	95,29%	68,73%
<b>2. SL luân chuyển</b>	<b>Tỷ TKm</b>	13,1	12,4	13,29	15,55	101,45%	85,48%
<b>3. Doanh thu</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	1.317,27	1.207,95	1.222,51	1.544,69	92,81%	79,14%
<b>4. Lợi nhuận</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	-4,06	-75,73	-72,03	-0,89		

Sản lượng:

- Sản lượng vận chuyển thực hiện 1.590,8 nghìn tấn, không đạt yêu cầu gần 5% kế hoạch nhưng giảm 31% so với 2011. Trong đó, sản lượng vận chuyển của đội tàu thực hiện 1,34 triệu tấn, tương ứng giảm 710 nghìn tấn.
- Sản lượng luân chuyển thực hiện 13,3 tỷ Tkm, vượt hơn 1% kế hoạch nhưng giảm 15% so với 2011. Trong đó, sản lượng luân chuyển của đội tàu thực hiện 13 tỷ Tkm, giảm 2,26 tỷ Tkm so với cùng kỳ 2011.

Sản lượng vận chuyển và sản lượng luân chuyển giảm so với cùng kỳ 2011, chủ yếu do năng lực vận tải đã giảm 15%, cộng thêm các yếu tố khách quan khác: thời gian chuyển bị kéo dài do thời gian tàu chờ cầu, chờ hàng, làm hàng ...tăng 10% so với cùng kỳ 2011, lượng tàu mới gia nhập vào thị trường tăng đáng kể trong khi nguồn hàng ngày càng khan hiếm. Công ty vừa phải tích cực, linh hoạt tìm kiếm nguồn hàng, thay đổi vùng, tuyến khai thác, vừa phải đảm bảo tính an toàn cho tàu (tránh khai thác ở những khu vực hay có nạn cướp biển xảy ra) đã phải chấp nhận những lô hàng không đủ trọng tải tàu, tàu phải chạy những tuyến xa hơn.

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2011
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện thời	lần	0,38	0,51
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,27	0,40
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	82,19	79,66
Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	468,91	397,36
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,85	17,14
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,57
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-8,26	0,06
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn VCSH	%	-23,61	0,17
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-4,14	0,03
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-8,41	-13,10

**Về khả năng thanh toán.** Chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành của Công ty trong 2 năm vừa qua đều nhỏ hơn một, thể hiện sự hạn chế trong việc sử dụng nguồn vốn lưu động của Công ty. Đây cũng là vấn đề khiến Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm những nhà cung cấp có mức giá tốt vì hiện tại Công ty đã có số dư nợ khá lớn.

**Về cơ cấu nguồn vốn.** Công ty trong ngành nói chung và Công ty nói riêng sử dụng đòn bẩy tài chính khá nhiều. Thể hiện qua việc nguồn vốn của Công ty chủ yếu được tài trợ chủ yếu từ nguồn nợ. Tỷ số nợ trên tổng tài sản của Công ty ở mức khá cao. Từ 79,66% trong năm 2011, tăng nhẹ lên mức 82,19% trong năm nay. Việc sử dụng nợ nhiều khiến tỷ số nợ trên 1 đồng vốn chủ sở hữu ở mức khá cao, trong năm 2012, một đồng vốn chủ sở hữu của Công ty ứng với 4,69 đồng nợ.

**Về chỉ tiêu năng lực hoạt động.** Các vòng quay về hoạt động của Công ty như vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản giảm trong 2 năm qua. Đến năm 2012, vòng quay hàng tồn kho là 14,85 vòng. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cũng giảm sút, chủ yếu đến từ việc suy giảm trong doanh thu ở giai đoạn vừa qua.

**Về chỉ tiêu khả năng sinh lời.** Lợi nhuận âm trong năm nay đã làm các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm trước và ở mức âm.

*Tình hình khó khăn ấy cũng là cơ hội để Công ty nhận ra những thuận lợi và thách thức Công ty đang gặp phải để tìm cách khắc phục và phát triển xa hơn nữa trong tương lai.*

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



## Thuận lợi

- Công ty luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi. Với uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ tốt tạo nền tảng tốt cho hoạt động kinh doanh của Vitranschart. Việc tuân thủ pháp luật và các quy định trong lĩnh vực vận tải biển giúp Vitranschart được coi là một trong những doanh nghiệp có tiềm năng phát triển bền vững.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cao.
- Hệ thống kinh doanh bền vững với ứng dụng công nghệ tiên tiến. Chế độ chăm sóc khách hàng tốt.
- Văn hóa doanh nghiệp phong phú, đa dạng và đề cao tinh thần đoàn kết chia sẻ và hợp tác gắn bó. Đây là nền tảng giúp mỗi thành viên trong công ty phát huy hết năng lực, phục vụ cho sự nghiệp phát triển chung của doanh nghiệp.

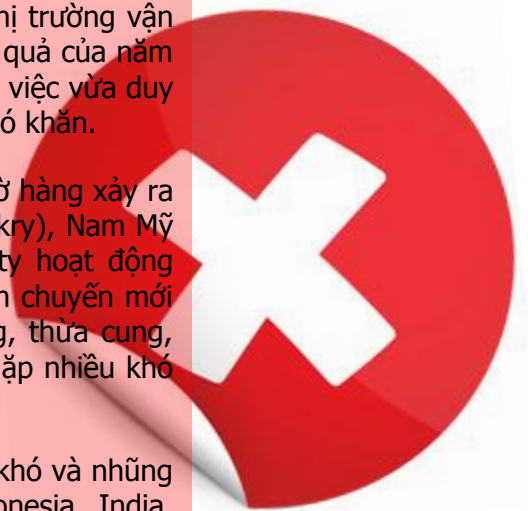
## Thách thức

Năm 2013 được dự báo còn khó khăn hơn năm 2012 do thị trường vận tải biển chưa cải thiện trong khi phải gánh chịu những hậu quả của năm trước. Kinh doanh trong điều kiện thiếu vốn trầm trọng nên việc vừa duy trì hoạt động vừa trả nợ khách hàng là một nhiệm vụ rất khó khăn.

Tình trạng tình trạng ùn tắc cảng, chờ cầu, nhường cầu, chờ hàng xảy ra nhiều ở các Cảng thuộc Tây Phi (Freetown, Cotonou, Conakry), Nam Mỹ (Itaqui, Santos) và Châu Âu là những nơi đội tàu Công ty hoạt động thường xuyên, ngoài ra các tàu còn phải neo chờ kế hoạch chuyển mới do tình hình thị trường vận tải đang đi xuống, thiếu hàng, thừa cung, cạnh tranh gay gắt nên việc tìm nguồn hàng cho đội tàu gặp nhiều khó khăn.

Tình trạng đội tàu bị PSC và chính quyền cảng bắt lỗi, gây khó và những nhiều tại các cảng (Trung Quốc, Nam Mỹ, Tây Phi, Indonesia, India, v.v...). Sự cố tàu bị bắt giữ hoặc dọa bắt do vấn đề tài chính với nhà cung cấp và hiện tượng thiếu hàng, hỏng hàng cũng là vấn đề đáng lưu ý.

Ngoài ra tình hình thời tiết xấu, sức khỏe thuyền viên cũng làm kéo dài thời gian chuyển, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.



2. Tổ chức và nhân sự

**BAN ĐIỀU HÀNH**

**Trương Đình Sơn**



**Tổng Giám đốc**

- Sinh năm : 1955
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực, Cao cấp lý luận chính trị
- Tỷ lệ sở hữu : 5,04%

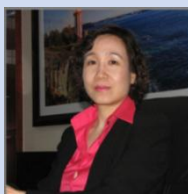
**Huỳnh Nam Anh**



**Phó Tổng Giám đốc**

- Sinh năm : 1966
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị
- Tỷ lệ sở hữu : 0,16%

**Phạm Thị Cẩm Hà**



**Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh : 1965
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Tỷ lệ sở hữu : 0,19%

**Dương Đình Ninh**



**Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh : 1956
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác máy tàu biển, cao cấp lý luận chính trị
- Tỷ lệ sở hữu : 0,034%

**Mai Thị Thu Vân**



**Kế toán trưởng**

- Năm sinh : 1974
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu : 0,014%

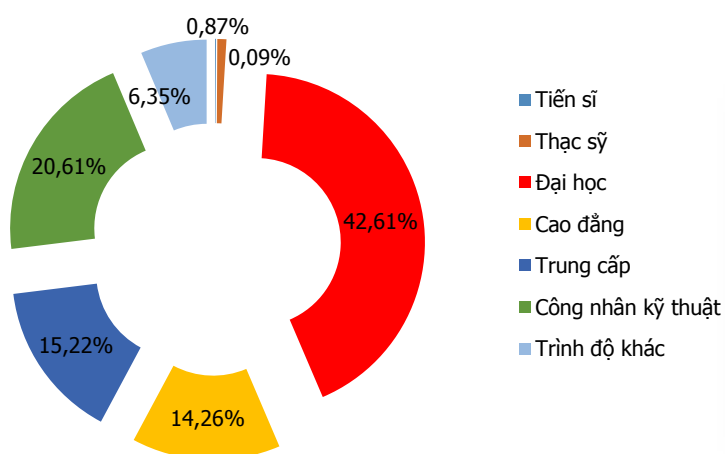
### Những thay đổi trong Ban điều hành

Từ ngày 20 tháng 04 năm 2013, bà Mai Thị Thu Vân được bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng thay cho bà Vũ Minh Phượng.

Công ty quan điểm nhân lực là một trong những yếu tố cốt yếu góp phần tạo nên thành công của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân viên càng ngày càng chuyên nghiệp. Đồng thời tạo những điều kiện, chính sách đãi ngộ tốt nhất để đảm bảo thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nhân viên của Công ty. Tính đến ngày 31/12/2012, số lượng nhân viên Công ty là 1.150 người. Trong đó:

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (31/12/2011)	Số lượng (31/12/2012)
	<b>Tổng số lao động</b>	1.203	1.150
<b>1</b>	<b>Phân theo trình độ lao động:</b>	1.203	1.150
	- Tiến sĩ	1	1
	- Thạc sỹ	8	10
	- Đại học	498	490
	- Cao đẳng	158	164
	- Trung cấp	172	175
	- Công nhân kỹ thuật	251	237
	- Trình độ khác	115	73
<b>2</b>	<b>Phân theo công việc</b>	1203	1150
	- Khối trên bờ	214	201
	- Khối thuyền viên	989	949
<b>3</b>	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>	1.203	1.150
	- HĐLĐ không thời hạn	603	597
	- HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	574	540
	- HĐLĐ dưới 1 năm	26	13

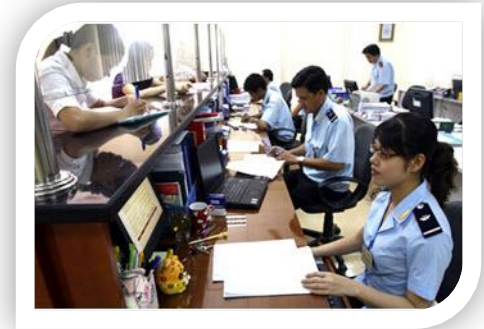
### Cơ cấu lao động năm 2012



## Chính sách đối với người lao động

Do tính đặc thù của ngành nên Công ty đã vận dụng các chính sách có lợi hơn cho người lao động như: Khối phục vụ và quản lý (trên bờ) làm việc 05 ngày/tuần, còn đối với khối thuyền viên làm việc trên tàu biển là lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nên đã thực hiện giảm thời gian làm việc là 2 giờ/ngày và một tháng làm việc trên tàu biển, thuyền viên được nghỉ 2,5 ngày phép, tổng số ngày nghỉ phép căn cứ vào số tháng làm việc thực tế trên tàu, có lợi hơn so với Bộ Luật Lao động (được đưa vào Thỏa ước Lao động tập thể ký ngày 26/04/2011, phù hợp với quy định Công ước Lao động hàng hải năm 2006 – MLC 2006).

## Về chế độ làm việc nghỉ ngơi



## Về chính sách đào tạo

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư cho đội ngũ CBCNV với mục tiêu có đầy đủ tri thức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, do vậy Công ty đã tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ cho CBCNV theo đúng quy trình tuyển dụng lao động và quản lý, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Hình thức đào tạo phong phú, tại chỗ, tại các trường, trên các tàu, trong và ngoài nước.



Đối với cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật: Công ty tập trung bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý đấu thầu, đầu tư, luật thương mại, kỹ thuật và các chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ ngắn ngày, chế độ chính sách về lao động dôi dư, các công tác về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, thi nâng bậc, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tuyển dụng v.v...

Trong năm 2012, đã bổ nhiệm đề bạt cho 58 sỹ quan hàng hải, từng bước đáp ứng nhu cầu đội ngũ sỹ quan tăng về số lượng và nâng cao chất lượng.

## Về chính sách tuyển dụng

Năm 2012, Công ty tuyển dụng 83 lao động, trong đó chủ yếu là Sỹ quan thuyền viên theo nhu cầu, nguồn lao động này từ sinh viên các trường Đại học, Sỹ quan thuyền viên từ các đơn vị trong ngành chuyển đến. Việc tuyển dụng lao động qua một quy trình chặt chẽ, nên tuyển chọn được lao động có chất lượng phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty

trong từng giai đoạn. Số lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động ngay, đúng quy định, do vậy người lao động yên tâm và gắn bó với Công ty.

Song song đó, Công ty cũng có những quy định, kỷ luật chặt chẽ đối với người lao động về các chế độ chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc theo đúng luật.

Đặc biệt, năm 2012, Công ty tiếp tục có chính sách và chế độ trợ cấp riêng hợp lý cho SQTV vì nhiều lý do khác nhau không còn phù hợp hoạt động của Công ty để chấm dứt hợp đồng lao động, và đã giải quyết được 94 lao động nghỉ việc để hưởng các chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động và quy định ưu đãi, khuyến khích của Công ty. Từ đó, chất lượng đội ngũ SQTV được nâng cao một bước đáng kể, đáp ứng được yêu cầu mới của Công ty.



### Chính sách lương – thưởng



Năm 2012, kinh tế thế giới phục hồi tăng trưởng chậm, thiếu ổn định, có chiều hướng xấu đi. Kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ngành vận tải biển tiếp tục suy giảm. Những yếu tố trên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty nói chung và kinh doanh vận tải biển nói riêng, nhưng Công ty đã cố gắng điều chỉnh một mức tiền lương phù hợp, chia sẻ lợi ích với các nhà đầu tư, cổ đông, bảo đảm mức lương người lao động gần bằng mức năm 2011. Đây là một cố gắng lớn của Công ty về thu nhập để thu hút và giữ chân người lao động tiếp tục gắn bó, đóng góp tích cực vì mục tiêu tăng trưởng lâu dài của Công ty.

Đi đôi với công tác bảo đảm hệ thống quản lý an toàn Công ty vận hành thông suốt và có hiệu quả tại các tàu, định kỳ, sau mỗi tháng, sau và trước chuyến đi của các tàu, Công ty có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyến đi, rà soát công tác chuẩn bị chuyến đi tiếp theo của các tàu để xét thưởng phù hợp, điều chỉnh mức tiền lương theo bảng lương, nhằm khuyến khích đóng góp và tăng cường trách nhiệm đối với SQTV đội tàu Công ty, đã có kết quả tích cực; đặc biệt vào dịp kết thúc năm 2012, các tàu, các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ đều có tiền thưởng có giá trị từ 1/2 tháng lương thực trả trong năm 2012.

## Chính sách phúc lợi

Phục vụ cho các hoạt động chung, cũng như tham quan du lịch trong và ngoài nước; đồng thời chăm lo các hoạt động xã hội bản thân người lao động tại Công ty, như quỹ khuyến học cho con em người lao động học giỏi, gia đình có khó khăn; thăm hỏi gia đình thuyền viên ....






### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

#### Các khoản đầu tư lớn


Với tình hình tài chính khó khăn nên ngay từ đầu năm Công ty đã không lập kế hoạch cho những dự án đầu tư lớn. Trên thực tế, ngay cả những khoản mua sắm, trang bị đã lập kế hoạch cũng không thực hiện được. Về 2 tàu đóng mới SS11 và SS12: Công ty đã từ chối tiếp nhận, riêng tàu 56.000 DWT (F.56-NT02): đã được Chính phủ chỉ đạo giãn thời hạn giao.

#### Tình hình tài chính tại các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị: VND

 CTCP Cung ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	2012	2011
	<b>Tổng tài sản</b>	41.020.562.239
<b>Doanh thu thuần</b>	266.125.303.643	292.839.830.006
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	628.865.791	3.123.690.664

Đơn vị: VND

 CTCP TNHH MTV Sửa chữa tàu biển phương Nam	2012	2011
	<b>Tổng tài sản</b>	9.321.237.192
<b>Doanh thu thuần</b>	13.588.635.597	14.864.452.027
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	1.557.674.398	-1.520.898.154

# VST

## **III. Báo cáo Ban Giám đốc**

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu từ đầu năm 2009 đến nay và năm 2012 tiếp tục là năm với muôn vàn khó khăn với nền kinh tế nói chung và với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nói riêng. Những khó khăn này đã ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế trong đó vận tải biển là một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Về phía ngành vận tải biển, một số khó khăn vẫn còn tồn tại như:

- Tình trạng cung vượt quá cầu trên thị trường vận tải biển vẫn chưa được cải thiện. Sản lượng công nghiệp liên tục giảm ở hầu hết các nước phát triển, đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi đã làm cho hàng hóa khan hiếm;
- Theo báo cáo của Unctad năm 2012, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế 2008, đội tàu thế giới vẫn tiếp tục tăng trưởng với mức gần 10% mỗi năm và đạt 1.534 triệu Dwt vào tháng 01/2012, trong đó đội tàu hàng khô rời tăng trưởng mạnh nhất với 17% mỗi năm và đạt mức tăng 60% trong vòng 4 năm qua làm cho tổng trọng tải đội tàu này chiếm 40,6% tổng trọng tải đội tàu thế giới. Sự mất cân đối này đã làm cho chỉ số BDI giảm mạnh. BDI bình quân 2012 chỉ ở mức 920,4 điểm, giảm hơn 40% và BHSI là 516,4 điểm, giảm 28% so với 2011. Đến cuối năm 2012, chỉ số BDI và BHSI đóng cửa ở mức 669 điểm và 447 điểm.

Về phía doanh nghiệp, năm 2012, Công ty hoạt động trong điều kiện cực kỳ khó khăn khi kinh doanh vận tải biển đang trong thời kỳ suy thoái nghiêm trọng và áp lực tài chính từ việc hình thành đội tàu chủ yếu từ nguồn vốn vay. Nhận định được tình hình khó khăn, ngay từ đầu năm, để hạn chế tình hình thiếu hụt tiền và cải thiện kết quả kinh doanh, Công ty đã lập kế hoạch bán 3 tàu (VTC Light, Viễn Đông 3, Viễn Đông 5) với dự kiến lãi 97 tỷ. Tuy nhiên, với xu hướng giá cước giảm, giá tàu đã qua sử dụng giảm liên tục nên kế hoạch bán tàu đến nay vẫn chưa thực hiện được. Theo đó, đây là năm có kết quả kinh doanh lỗ đầu tiên của Công ty kể từ thời điểm sau cổ phần hóa 2008. Đây là thực trạng kinh doanh chung của các doanh nghiệp ngành vận tải biển. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tập thể Cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên đã không ngừng nỗ lực bảo quản bảo dưỡng tàu, an toàn hàng hải, tiết kiệm chi phí để vượt qua khó khăn nhằm ổn định sản xuất.



Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

Chi tiêu (Đvt: Triệu đồng)	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012 (đầu năm)	Kế hoạch 2012 (điều chỉnh)	Thực hiện 2012	% Thực hiện KH 2012 (đầu năm)	% TH 2012 TH 2011
Tổng tài sản	3.255.640,2			3.019.255		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.895.826,32	1.615.974,68	1.529.000	1.549.689,36	96%	82%
Lợi nhuận từ HĐKD	(243.253,2)	(89.979,7)	(126.007,8)	(127.278,9)		
Lợi nhuận khác	248.378,2	97.000,0	1.007,8	2.701,3	3%	1%
Lợi nhuận trước thuế	5.125,0	7.020,3	(125.000,0)	(124.577,5)		
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.087,39	5.265,2		(124.971,77)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	41,37					

**a. Kinh doanh vận tải biển**

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2012 (đầu năm)	KH 2012 (điều chỉnh)	Năm 2012	Năm 2011	2012 KH 2012 (đầu năm)	2012 2011
1. SL vận chuyển	Tấn	1.669.450	1.567.000	1.590.798	2.314.642	95,29%	68,73%
2. SL luân chuyển	Tỷ TKm	13,1	12,4	13,29	15,55	101,45%	85,48%
3. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.317,27	1.207,95	1.222,51	1.544,69	92,81%	79,14%
4. Lợi nhuận	Tỷ VNĐ	(4,06)	(75,73)	(72,03)	(0,89)		

Năm 2012, đội tàu Công ty kinh doanh với 13 chiếc, tổng trọng tải là 274.165 Dwt (trong đó có 2 tàu trọng tải 6.500 Dwt, 11 tàu còn lại từ 22.000 - 28.000 Dwt), bình quân 12,6 tuổi. So với cùng kỳ 2011, trọng tải bình quân của đội tàu giảm 15% (52.556 Dwt) do bán Phương Đông 1, Phương Đông 3, VTC Star.

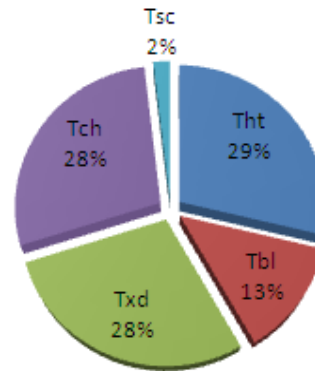
**Thời gian khai thác**

- **Thời gian vận doanh** đội tàu thực hiện 98,1% trên tổng thời gian, bình quân 359,1 ngày/tàu, giảm 2,01 ngày/tàu so với cùng kỳ 2011. Trong đó:
  - Thời gian chạy có hàng chiếm 29,3 %, giảm 5%.
  - Thời gian chạy không hàng chiếm 13,2%, tăng 13%.
  - Thời gian tàu làm hàng chiếm 29%, giảm 8%.
  - Thời gian tàu neo chờ các loại chiếm đến 28,5% tăng 10% so với 2011. Trong đó thời gian tàu chờ ký hợp đồng, chờ cầu, chờ làm hàng chiếm đến 82% (bình quân 91,06 ngày/ tàu) tổng thời gian chờ.

- **Thời gian sửa chữa** là 89,37 ngày, chiếm 1,9% trên tổng thời gian, giảm 13% với 13,1 ngày so với cùng kỳ 2011.

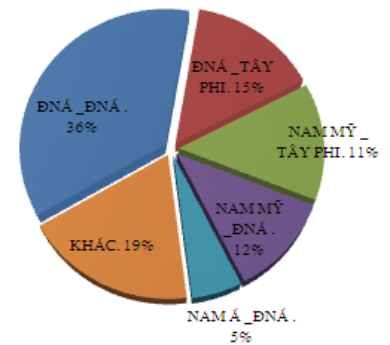
**Chú thích:**

- + Tch: Thời gian tàu chờ các loại
- + Tsc: Thời gian tàu sửa chữa
- + Tht: Thời gian tàu chạy có hàng
- + Tbl: Thời gian tàu chạy không hàng
- + Txd: Thời gian tàu làm hàng



**Chuyến và tuyến kinh doanh**

Trong khu vực Đông Nam Á: 36% (giảm 18,65 chuyến), Đông Nam Á/Tây Phi: 15% (tăng 4,73 chuyến), Nam Mỹ/Tây Phi: 14% (tăng 7,48), Nam Mỹ/Đông Nam Á: 12% (giảm 2,3 chuyến so với cùng kỳ), Nam Á/Đông Nam Á: 5% (tăng 1,9 chuyến) và các tuyến khác: 19% (giảm 25,21).



**Sản lượng**

- Sản lượng vận chuyển thực hiện 1.590,8 nghìn tấn, không đạt yêu cầu gần 5% kế hoạch và giảm 31% so với 2011. Trong đó, sản lượng vận chuyển của đội tàu thực hiện 1,34 triệu tấn, tương ứng giảm 710 nghìn tấn.
- Sản lượng luân chuyển thực hiện 13,3 tỷ Tkm, vượt hơn 1% kế hoạch nhưng giảm 15% so với 2011. Trong đó, sản lượng luân chuyển của đội tàu thực hiện 13 tỷ Tkm, giảm 2,26 tỷ Tkm so với cùng kỳ 2011.

Sản lượng vận chuyển và sản lượng luân chuyển giảm so với cùng kỳ 2011, chủ yếu do năng lực vận tải đã giảm 15%, cộng thêm các yếu tố khách quan khác: thời gian chuyển bị kéo dài do thời gian tàu chờ cầu, chờ hàng, làm hàng ...tăng 10% so với cùng kỳ 2011, lượng tàu mới gia nhập vào thị trường tăng đáng kể trong khi nguồn hàng ngày càng khan hiếm. Công ty vừa phải tích cực, linh hoạt tìm kiếm nguồn hàng, thay đổi vùng, tuyến khai thác, vừa phải đảm bảo tính an toàn cho tàu (tránh khai thác ở những khu vực hay có nạn cướp biển xảy ra) đã phải chấp nhận những lô hàng không đủ trọng tải tàu, tàu phải chạy những tuyến xa hơn.

**Doanh thu, chi phí, lãi/lỗ**

**Doanh thu** vận tải biển thực hiện 1.222,51 tỷ đồng, không đạt yêu cầu kế hoạch hơn 7% và giảm 21% so với 2011. Trong đó, doanh thu đội tàu thực hiện 1.155,9 tỷ đồng (chiếm 94,6% doanh thu vận tải), không đạt yêu cầu kế hoạch gần 9% và giảm 22% so với 2011, tương ứng giảm 321,2 tỷ đồng.

Ngoài nguyên nhân năng lực vận tải và sản lượng giảm như đã trình bày trên thì còn do mức cạnh tranh trong thị trường vận tải biển ngày càng tăng, bên cạnh việc tích cực tìm kiếm chuyển hàng có giá cước tốt, Công ty cũng phải chấp nhận giảm giá cước một số chuyến hàng để có hàng chạy.

Cụ thể, so với cùng kỳ 2011:

- Cước chở gạo bình quân giảm 15%, trong đó các tuyến Đông Nam Á - Tây Phi/ Tây Á giảm 13%, trong khu vực Đông Nam Á giảm 8%, Nam Mỹ - Tây Phi giảm 26%.
- Cước chở nông sản bình quân giảm 25%, trong đó tuyến Nam Mỹ/ Đông Nam Á giảm 17%.
- Cước chở phân bón tuyến Đông Bắc Á/ Đông Nam Á giảm 8%, trong khu vực Đông Nam Á giảm 11%.

**Chỉ tiêu Doanh thu/Dwt: 4,22 triệu đồng/Dwt**, chỉ giảm 10,8% so với 2011 cho thấy mặc dù phải kinh doanh trong điều kiện rất khó khăn nhưng Công ty đã nỗ lực duy trì mức doanh thu/Dwt tương đối ổn định.

**Chi phí** đội tàu thực hiện 1.228,9 tỷ đồng, giảm hơn 3% so với kế hoạch và giảm 7% (248,9 tỷ đồng) so với 2011. Trong đó, chi phí cố định thực hiện hơn 533,5 tỷ đồng và chi phí biến đổi thực hiện 695,4 tỷ đồng, tương ứng giảm 15% và 9% so với năm trước, cụ thể:

- Chi phí cố định giảm 177,1 tỷ đồng, chủ yếu do KHCB đã giảm 59% (do được giảm khấu hao 75% đối với đội tàu và năm 2012 chỉ còn 13 tàu); lãi vay mua giảm 32% (do hạch toán theo con số thực trả); tiền lương thuyền viên giảm 31% (do áp dụng chính sách giảm lương), và chi phí bảo hiểm giảm 16% (do đã bán 3 tàu trong năm 2011).
- Chi phí biến đổi giảm 71,9 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí nhiên liệu giảm 6% (tương đương với 33 tỷ đồng), lượng tiêu thụ DO giảm 26% và FO giảm 15%, ngoài nguyên nhân giảm năng lực vận chuyển 15% còn do áp dụng một loạt các biện pháp tiết kiệm nhiên liệu; cảng phí kênh, đại lý phí giảm 27% (31,4 tỷ đồng).

**Chỉ tiêu Chi phí/Dwt: 4.074 triệu đồng/Dwt**, giảm 20% so với 2011 và 4% so với 2010 cho thấy Công ty đã thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí.

Cả năm 2012, kinh doanh vận tải biển lỗ 72 tỷ đồng, trong đó đội tàu lỗ 73 tỷ đồng.

### ***Tình hình đội tàu trong năm 2012***

Bên cạnh những khó khăn về tài chính, hoạt động Công ty vẫn còn tồn tại một số khó khăn gây ảnh hưởng đến tình hình SXKD của đội tàu, cụ thể:

- Trong năm 2012, đội tàu hoạt động thêm tuyến châu Âu, một số tàu được cho thuê định hạn và tăng cường hoạt động ở thị trường Tây Phi và Nam Mỹ. Tuy nhiên, tình trạng ùn tắc cảng, chờ cầu, nhường cầu, chờ hàng xảy ra nhiều ở các khu vực này, điển hình: các cảng Freetown, Cotonou, Conakry tại Tây Phi, Itaqui, Santos tại Brazil. Ngoài ra, một số tàu phải neo lâu để chờ kế hoạch chuyển mới (VTC Phoenix, VTC Sun tại Tây Phi, v.v...) do tình hình thị trường vận tải đang đi xuống, thiếu hàng, thừa cung, cạnh tranh gay gắt nên việc tìm nguồn hàng cho đội tàu gặp nhiều khó khăn.
- Tình trạng đội tàu bị PSC và chính quyền cảng bắt lỗi, gây khó và những nhiễu thường xuyên xảy ra tại các cảng (Trung Quốc, Nam Mỹ, Tây Phi, Indonesia, India, v.v...). Sự cố tàu bị bắt giữ hoặc dọa bắt do vấn đề tài chính với nhà cung cấp và hiện tượng thiếu hàng, hỏng hàng cũng là vấn đề đáng lưu ý.
- Ngoài ra còn có một vài sự cố khác như: thời tiết, sức khỏe thuyền viên cũng làm kéo dài thời gian chuyển, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.



## b. Kinh doanh các dịch vụ khác

Năm 2012 doanh thu kinh doanh các dịch vụ khác của các đơn vị thực hiện 327,2 tỷ đồng, vượt kế hoạch 9,5%, tuy nhiên giảm 7% (tương đương giảm gần 24 tỷ đồng) so với năm trước. Chủ yếu do hoạt động kinh doanh thạch cao/xi cát/pozzolane đã giảm gần 11% do từ tháng 9 tạm ngừng nhập xi cát do phía đối tác không thu xếp được hàng, dẫn đến sản lượng xi cát đã giảm gần 42% so với năm 2011) và ngừng cung cấp nhiên liệu cho tàu do công ty chủ trương ngừng bán nhiên liệu cho tàu trong nước vì rủi ro nợ khó đòi do khó khăn vận tải biển.

Cả năm 2012, các hoạt động kinh doanh còn lại lỗ 52,55 tỷ đồng (trong đó lãi 3,27 tỷ đồng từ kinh doanh các dịch vụ, lỗ từ hoạt động tài chính 51,52 tỷ, lỗ từ hoạt động bất thường 4,3 tỷ).

## c. Tổng hợp toàn công ty

Chỉ tiêu (Đvt: Tỷ VNĐ)	Kế hoạch 2012 (đầu năm)	Kế hoạch 2012 (điều chỉnh)	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011	% Thực hiện KH 2012 (đầu năm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.615,97	1.529,00	1.549,69	1.895,83	96%
Lãi (lỗ) trước thuế	7,02	-125,00	-124,57	5,12	
Lãi (lỗ) sau thuế hợp nhất	5,26	-125,52	-124,97	1,09	

Cả năm 2012, tổng doanh thu toàn Công ty thực hiện 1.549,7 tỷ đồng, chỉ thực hiện 96% kế hoạch và giảm 18% (346,1 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2011. Kết quả hợp nhất, cả năm lỗ 124,97 tỷ đồng.

Trong điều kiện mặt bằng chi phí đầu vào đang tăng lên đáng kể, Công ty đã tăng cường tiết kiệm, quản lý chi phí, đảm bảo cho tàu hoạt động tốt, giảm thiểu các tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể, tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần giảm đáng kể từ mức 20,9% năm 2011 xuống còn 9,5% trong năm 2012. Tỷ lệ này đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý đều có mức giảm nhẹ. Mặc dù sự thay đổi không đáng kể nhưng đã thể hiện sự nỗ lực, kiểm soát chi phí Công ty trong tình hình hoạt động gặp rất nhiều khó khăn.

## d. Công tác quản lý và các hoạt động khác

Trong điều kiện tài chính vô cùng khó khăn, các phòng ban đã cùng nhau nỗ lực hết mình để tăng thu và giảm chi phí cho Công ty qua việc thực hiện các biện pháp sau:

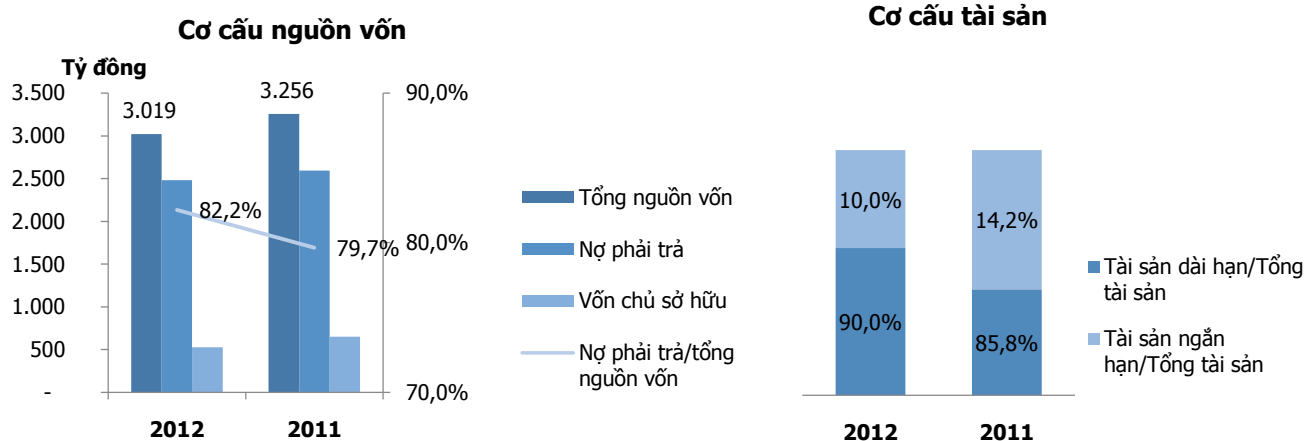
- Đòi được các khoản thưởng phạt của tàu (do hoàn thành quyết toán cước tàu, hoàn thành nhanh quyết toán xếp dỡ hàng...) thu về cho Công ty hơn 667.000 USD.
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa cho các tàu, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm được 15,4 tỷ đồng (thời gian sửa chữa chiếm 1,9%, giảm 13% so với 2011).
- Làm việc với các ngân hàng về các khoản nợ và được hầu hết các ngân hàng chấp thuận cho việc giãn nợ, giữ và cấp hạn mức vay vốn lưu động, giảm lãi suất vay mua tàu, cơ cấu lãi vay mua.
- Thương lượng, thuyết phục các nhà cung ứng đảo nợ cung cấp nhiên liệu, vật tư cho đội tàu mặc dù đều nợ quá hạn hầu hết các nhà cung cấp.



## 2. Tình hình tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2011
<b>1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	82,19	79,66
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	17,53	20,05
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	90,01	85,79
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	9,99	14,21
<b>3. Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản</b>			
	%		
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,57
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	0,57	0,68



Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải hàng hải đều mang nét đặc thù trong cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn là tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản và nợ vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn.

**Về cơ cấu tài sản:** Tổng giá trị tài sản công ty đến hết năm 2012 đạt 3.019 tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2011. Tài sản ngắn hạn giảm 34,78% do giá trị tiền và các khoản tương đương tiền của công ty giảm đáng kể so với năm trước do Công ty giải chấp tiền ký gửi tại MaritimeBank và VPB để trả nợ ngân hàng, giảm số dư nợ vay xuống còn 470 tỷ đồng; tài sản dài hạn của công ty chỉ giảm nhẹ 3% so với năm 2011. Cơ cấu tài sản vẫn ở mức ổn định, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 85,79% lên 90,01%.

**Về cơ cấu nguồn vốn:** Các doanh nghiệp ngành hàng hải nói chung và Công ty nói riêng có chỉ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn ở mức tương đối cao. Đối với Công ty, chỉ số này năm 2012 là 82,2%, tăng nhẹ so với năm 2011. Mặc dù tổng số nợ phải trả của công ty



giảm 4% so với năm 2011, nhưng vốn chủ sở hữu giảm đến 18,9% do kết quả kinh doanh không thuận lợi trong năm nay đã làm tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của công ty tăng lên 2,5% so với 2011. Khó khăn của Công ty hiện tại do thiếu vốn lưu động, việc không bán được tàu như kế hoạch càng gây thiếu tiền phục vụ SXKD.

**Về tình hình nợ phải trả:** Năm 2012, nhờ vào chính sách cho phép giãn trả nợ và lãi vay của NHNN, Công ty đã hoàn tất đàm phán chậm trả nợ ở hầu hết các ngân hàng. Tính đến 31/12/2012, tổng số tiền trả nợ vay mua tàu là 91 tỷ (6 tháng 2012: 87 tỷ), Công ty đã giãn trả nợ và lãi vay mua tàu tương đương 300 tỷ đồng, cải thiện đáng kể dòng tiền hoạt động trong năm khi các nguồn thu trong năm bị giảm sút, không có nguồn thu bán tàu và kết quả kinh doanh lỗ.

**Về ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:** Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển, hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn vốn vay với giá trị 2.141 tỷ đồng. Nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho công ty trong việc trả lãi vay và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2012, Ngân hàng nhà nước đã nhiều lần giảm lãi suất huy động và cho vay nhưng theo các chuyên gia kinh tế, lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao so với khả năng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Theo đó, trong năm 2013, lãi suất dự báo sẽ được Ngân hàng nhà nước điều hành ổn định với xu hướng giảm. Do đó, rủi ro về lãi suất của công ty không ở mức cao.

**Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Mặc dù trong năm 2012, tỷ giá được duy trì ở mức khá ổn định theo thông điệp của Ngân Hàng Nhà Nước (*trong năm 2012 phá giá VND/USD chỉ từ mức 2-3%*), nhưng trong hoạt động dịch vụ vận tải biển quốc tế, phần lớn doanh thu của Vitranschart là bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái có tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các khoản chi phí của Công ty như chi phí nhiên liệu trả cho các nhà cung cấp và chi phí trả cho các nhà môi giới nước ngoài, đều thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Theo đó, sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### a. Tình hình thị trường

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ năm 2008, những khó khăn, biến động của thị trường tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Theo số liệu trong báo cáo về kinh tế thế giới của Vụ Kinh tế và các vấn đề xã hội của Liên Hiệp Quốc cho thấy, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2013 và 2014 chỉ lần lượt ở mức 2,4% và 3,2%. Đây là mức tăng trưởng không đủ mạnh để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và dấu hiệu phục hồi vẫn còn là ẩn số.

Về lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, các tuyến đường vận tải quốc tế sẽ tiếp tục gặp khó khăn do tình trạng cung vượt cầu vẫn chưa được khắc phục. Dự kiến trong năm 2013, đội tàu vận tải hàng khô rời tăng khoảng 6,8% so với năm 2012 với lượng tàu phá dỡ dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục, nhưng điều đó vẫn chưa đủ để đảm bảo cân bằng cung cầu của thị trường cho đến trước năm 2014. Ngoài ra, lượng tàu dư nằm chờ hàng sẽ vẫn tiếp tục gây áp lực lên thị trường giá cước, và cho dù thương mại thế giới có sự cải thiện mạnh mẽ thì cũng chưa đủ sức khiến cho thị trường vận tải hàng khô rời cải thiện trong năm 2013.

## b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

Với nhận định tình hình cực kỳ khó khăn trong năm 2013 cùng với kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2013 và các cơ chế hỗ trợ của Chính phủ đối với các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Công văn số 148/BTC-TCĐN ngày 03/04/2012 của Bộ Tài chính, Công ty xây dựng kế hoạch 2013 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2013	NĂM 2012	<u>KH 2013</u> <u>2012</u>
1. Sản lượng VC	Tấn	1.790.000	1.590.798	112,52%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	13,73	13,29	103,31%
3. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.449,24	1.549,69	93,52%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(49,64)	(124,58)	

### **Ghi chú:**

- Kết quả kinh doanh đã áp dụng biện pháp giãn khấu hao 75% (nếu bộ tài chính cho phép).
- Lợi nhuận đã tính đến việc bán 2 tàu VTC Light, Viễn Đông 3 dự kiến thực hiện 40 tỷ đồng.

## c. Đầu tư và bán tài sản

Trong 2013, Công ty không có kế hoạch đầu tư dự án lớn nào ngoại trừ việc hoàn thiện dự án ERP và hệ thống phần mềm cho đội tàu, nâng cấp tổng đài, v.v... với mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng. Dự án mua và đóng hoàn thiện tàu 56.200Dwt sẽ được dời đến năm 2015 nếu thị trường vận tải biển phục hồi. Dự án Trường ĐHKTKT Hàng Hải sẽ được bàn giao cho Tỉnh Bến Tre.

Về công tác bán tàu: Tiếp tục thực hiện việc bán tàu Viễn Đông 3, VTC Light là kế hoạch của 2012 chuyển qua.

Về dự án 428 Nguyễn Tất Thành: làm việc với các cơ quan hữu quan để giãn thời gian thực hiện đến 2015 và được thuê làm văn phòng như hiện nay.

## d. Các giải pháp thực hiện

Với nỗ lực vượt qua khó khăn và hoàn thành các kế hoạch đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các giải pháp cụ thể như sau:

- Duy trì tàu hoạt động liên tục trong tình trạng kỹ thuật tốt nhất;
- Tăng cường tìm kiếm nguồn hàng, giảm thiểu thời gian tàu chờ hàng;
- Đảm bảo an toàn tối đa cho con người, tàu và hàng hóa;
- Quản lý tốt nguồn tiền, trong điều kiện hạn hẹp về tài chính vừa thực hiện những khoản chi cần thiết cho đội tàu, vừa cân đối trả nợ để tránh bị từ chối phục vụ, tránh khiếu kiện dẫn đến bắt giữ tàu;
- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để được giãn trả nợ gốc, lãi vay mua tàu, khoan nợ, đảo nợ, vay vốn lưu động v.v... để có nguồn vốn phục vụ sản xuất;
- Bán tài sản (kế hoạch bán 2 tàu) để cải thiện kết quả kinh doanh và lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty khi khoản nợ ngắn hạn đang gấp 3 số dư tài sản ngắn hạn cuối năm 2012.

# VST

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị**

**Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá về hoạt động Ban Giám đốc**

**Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

## 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 vừa qua tiếp tục là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Thực tế cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu diễn ra trong thời gian dài đã ảnh hưởng sâu sắc tới tất cả lĩnh vực như kinh tế - xã hội, chính trị, quân sự, khoa học - công nghệ, trong đó vận tải biển là một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Về khó khăn của đặc thù ngành vận tải biển, tình trạng cung vượt quá cầu trong năm qua vẫn chưa được cải thiện; sản lượng công nghiệp liên tục giảm ở cả những nước phát triển, đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi đã làm cho hàng hóa trở nên khan hiếm. Thương mại toàn cầu chỉ tăng 3,2% so với 2011, nhu cầu vận chuyển chỉ tăng ở mức 7% trong khi đội tàu đã tăng trưởng gần 10% so với 2011 (theo báo cáo của Unctad). Sự mất cân đối này đã làm cho chỉ số BDI giảm mạnh. BDI bình quân 2012 chỉ ở mức 920,4 điểm, giảm hơn 40% và BHSI là 516,4 điểm, giảm 28% so với 2011. Đặc biệt vào ngày 12/09/2012, BDI chỉ còn 661 điểm, dưới cả mức thấp nhất của tháng 12/2008 (663 điểm). Ngoài ra, giá cước các phân khúc tàu đều giảm mạnh. Riêng tàu handysize cước thuê chuyển giảm 28% và thuê định hạn giảm 31,5% so với 2011. Kết quả là hàng loạt chủ tàu lớn trên thế giới đều chịu lỗ, phải bán tháo tàu để tồn tại hoặc phải tuyên bố phá sản.

Không nằm ngoài khó khăn chung của các doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực vận tải biển, Vitranschart đã gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động. Thực tế các khoản thu không đủ bù đắp các khoản chi phí dẫn đến hoạt động kinh doanh kém hiệu quả. Giá cước thực hiện của đội tàu Công ty giảm bình quân từ 10-20% so với 2011 đối với hầu hết các tuyến và các mặt hàng vận chuyển truyền thống. Cụ thể, cước chở đường tàu Phoenix (22.500Dwt) từ Đại Tây Dương về Đông Nam Á cuối năm 2011 duy trì mức 60USD/Tấn, nay chỉ còn 41USD/Tấn, tương ứng giảm hơn 30%. Ngoài ra, còn một loạt các yếu tố bất lợi khác như: tình trạng hàng hóa khan hiếm, chủ hàng không đủ năng lực tài chính, tình trạng người trốn lậu theo tàu tại các cảng Châu Phi, v.v... đã ảnh hưởng đến thời gian khai thác của tàu. Trong năm 2012, tổng thời gian chạy không hàng và thời gian chờ các loại của đội tàu đã tăng lần lượt ở mức 13% và 10% so với 2011. Tất cả những nguyên nhân trên đã làm cho doanh thu vận tải của đội tàu giảm đến 22% so với 2011, chỉ thực hiện 92% so với kế hoạch đầu năm.

Bên cạnh đó, các chi phí đầu vào như nhiên liệu (chiếm đến 47% doanh thu trong năm 2012) lại tăng do giá bình quân của DO và FO đều tăng 13% so với 2011, cảng phí, đại lý phí và phí bốc xếp hai đầu bến cũng gia tăng theo chính sách của các cảng, v.v... Thêm vào đó, một loạt các chi phí phát sinh ngoài dự tính do thiếu tiền mua nhiên liệu, vật tư dự trữ nên đội tàu hầu như phải "ăn đong", hoặc không được chủ động cấp tại những nơi có giá rẻ hơn, những nhà cung cấp có điều kiện thanh toán tốt hơn vì số dư nợ quá lớn, họ đã từ chối bán hàng.

Ngoài ra, thị trường mua bán tàu đã qua sử dụng trong năm qua cũng suy giảm đáng kể và khó dự đoán trước. Theo báo cáo của Rs Platou, giá loại tàu hàng khô rời 28.000Dwt, 10 tuổi vào thời điểm tháng 12/2012 đã giảm 25% so với cùng kỳ 2011. Trên thực tế, VTC Star (22.273 Dwt, đóng 1989) đã bán được 7,7 triệu USD vào tháng 12/2011 nhưng tàu VTC Light (21.964 Dwt, đóng 1995) đã chào bán từ đầu năm 2012 đến nay vẫn chưa bán được



và chỉ được đánh giá ở mức dưới 4,5 triệu USD. Theo đó, giải pháp bán tàu để cải thiện kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty đã không thực hiện được.

Trước những khó khăn chung của ngành vận tải biển, đây là năm Công ty có kết quả kinh doanh lỗ lần đầu sau 5 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong nhiệm kỳ đầu tiên của Hội đồng quản trị. Thực tế do biến động bất lợi của giá bán tàu đã qua sử dụng, Công ty đã không thực hiện được việc bán 3 tàu như kế hoạch (Viễn Đông 3, Viễn Đông 5, VTC Light) để luân chuyển dòng tiền. Ngoài ra, do đặc thù ngành kinh doanh vận tải biển, với cơ cấu nợ vay/vốn chủ sở hữu hơn 4 lần với lãi suất cho vay tăng cao, trong năm 2012 Vitranschart phải trả khoản lãi vay hơn 100 tỷ, và mặc dù được Bộ Tài Chính cho giãn khấu hao theo Thông tư 148 thì năm 2012 khấu hao Vitranschart là 65 tỷ và dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ. Mặc dù Công ty không đạt được kế hoạch dự kiến đầu năm. Tuy nhiên, so với kế hoạch đã được điều chỉnh, doanh thu thuần đã vượt 1% và lợi nhuận khác đã vượt 168%.

**Các chỉ tiêu cơ bản**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Kết quả hoạt động SXKD</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.549.689,36	1.895.826,32
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.513.164,3	1.856.817,8
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	103.520,4	240.211,9
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-127.278,8	-243.253,2
Lợi nhuận khác	2.701,3	248.378,2
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-124.577,5	5.125,0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-124.699,3	2.440,9
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	272,5	1.353,5
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	-124.971,8	1.087,4

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Tài sản ngắn hạn	301.645,2	462.491,1
Tài sản dài hạn	2.717.610,2	2.793.149,1
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.019.255,4</b>	<b>3.255.640,2</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
Nợ phải trả	2.481.601,6	2.593.552,4
Nợ ngắn hạn	792.264,9	907.509,2
Nợ dài hạn	1.689.336,7	1.686.043,2
Vốn chủ sở hữu	529.227,3	652.690,3
Lợi ích cổ đông thiểu số	8.426,5	9.397,4
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>3.019.255,4</b>	<b>3.255.640,2</b>



**Tình hình thực hiện kế hoạch**

Chỉ tiêu (Đvt: Tỷ VNĐ)	Kế hoạch 2012 (đầu năm)	Kế hoạch 2012 (điều chỉnh)	Thực hiện 2012	TH 2012 KH 2012 (đầu năm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.615,97	1.529,00	1.549,69	96%
Doanh thu thuần	1.579,20	1.491,67	1.513,16	96%
Lợi nhuận từ HĐKD	-89,98	-126,00	-127,28	
Lợi nhuận khác	97	1,01	2,70	3%
Lợi nhuận trước thuế	7,02	-125,00	-124,58	

**2. Đánh giá về hoạt động Ban Tổng Giám đốc**

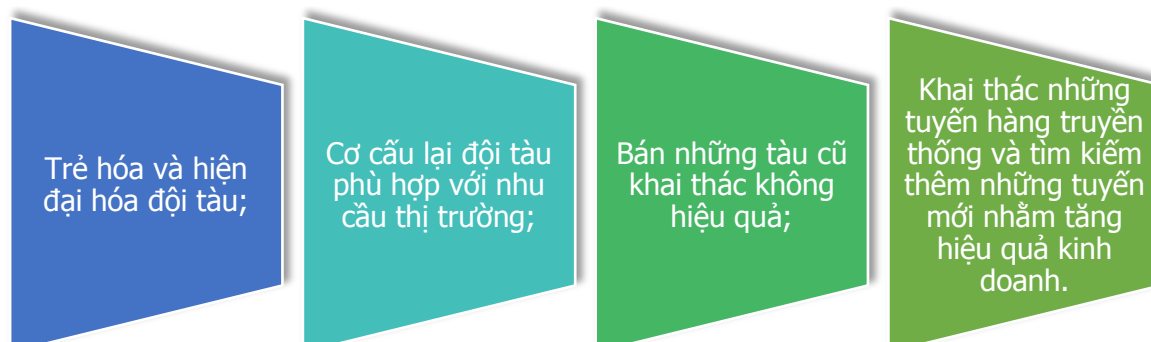
Trong năm 2012, với tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành kinh doanh vận tải biển nói riêng, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt khi duy trì hoạt động ổn định, từng bước khắc phục các khó khăn để thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Nhận định rõ những khó khăn, thách thức trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp kịp thời, linh hoạt giúp Công ty từng bước vượt qua mọi khó khăn. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và ngành vận tải biển nói riêng. Ban Giám đốc nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, những chuyển dịch và cạnh tranh trong ngành, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2012.

Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, những khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012. Trong khi nhiều doanh nghiệp ngành kinh doanh vận tải biển ngừng hoạt động hoặc phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam vẫn đảm bảo hoạt động ổn định, từng bước vượt qua khó khăn. Đây là một thành công đáng ghi nhận của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc.

**3. Kế hoạch, định hướng của của Hội đồng quản trị**

**Các mục tiêu chủ yếu của công ty**



**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013**

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2013	NĂM 2012	KH 2013 2012
1. Sản lượng VC	Tấn	1.788.800	1.590.798	112,45%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	13,73	13,29	103,31%
3. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	1.449,24	1.549,69	93,52%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	-49,64	(124,58)	

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2013 – 2018**

Nhận định thị trường vận tải biển sẽ khả quan hơn từ năm 2014, công ty Vitranchart dự kiến kế hoạch SXKD 5 năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2013	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018
1	Số tàu	Chiếc	13	9	10	11	12	13
2	Trọng tải tham gia	dwt	273.835	214.836	270.836	298.836	332.836	366.836
3	Sản lượng vận chuyển	Triệu Tấn	1,79	1,48	1,86	2,18	2,42	2,54
4	Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	13,73	11,08	14,19	16,85	18,75	19,73
5	Doanh thu	Tỷ đồng	1.449,24	1.381,35	1.971,31	2.365,39	2.689,74	2.951,08
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	-49,64	1,09	100,63	200,29	150,70	150,58

Năm 2012 là năm mà CTCP Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và Công ty đã nỗ lực hết sức mình để cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Mặc dù Công ty đã tận dụng mọi lợi thế kinh doanh để tăng doanh thu, triển khai hàng loạt các giải pháp nhưng kết quả SXKD năm 2012 vẫn không đạt được kết quả như kỳ vọng. Theo đó, bước vào năm 2013 với những tồn đọng và khó khăn còn duy trì từ năm 2012, Công ty phải sẵn sàng ứng phó và quyết tâm cao độ để vượt qua những khó khăn và thử thách mới, cố gắng duy trì sản xuất, tồn tại và có cơ hội phát triển khi thị trường vận tải biển phục hồi.



**Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh.  
Tối ưu hóa việc khai thác, sử dụng đội tàu hiện có.  
Tối ưu hóa việc phát triển đội tàu và hoạch định kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

# VST

## V. Quản trị công ty

**Hội đồng quản trị**




**Ban Kiểm soát**

**Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS**

**Thông tin cổ phần và cổ đông**

## 1. Hội đồng quản trị

### a. Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị	
<p><b>Huỳnh Hồng Vũ</b></p> 	<p><b>Chủ tịch</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh Năm : 1957</li> <li>Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị.</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 0,077%</li> </ul>
<p><b>Trương Đình Sơn</b></p> 	<p><b>Phó Chủ tịch</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh năm : 1955</li> <li>Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực, Cao cấp lý luận chính trị</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 5,04%</li> </ul>
<p><b>Phạm Thị Cẩm Hà</b></p> 	<p><b>Thành viên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năm sinh : 1965</li> <li>Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 0,19%</li> </ul>

## Hội đồng quản trị

### Huỳnh Nam Anh



#### Thành viên

- Sinh năm : 1966
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ  
khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị
- Tỷ lệ sở hữu : 0,16%

### Tô Thị Thu Vân



#### Thành viên

- Sinh năm : 1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ  
quản trị kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu : 0,0125%

### Nguyễn Minh Cường



#### Thành viên

- Sinh năm : 1974
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ  
quản lý
- Tỷ lệ sở hữu : 0%
- Chức danh tại công ty khác : Chủ tịch  
HĐQT - Đại diện pháp luật tại Công ty Cổ  
Phần QLQ Đầu tư Chứng khoán Phương  
Đông

#### b. Các thành viên không điều hành

- Tô Thị Thu Vân
- Nguyễn Minh Cường



c. *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành*: thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị

d. *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 4 cuộc họp.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	<b>Ông Huỳnh Hồng Vũ</b>	Chủ tịch HĐQT	4	100%	-
2	<b>Ông Trương Đình Sơn</b>	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	4	100%	-
3	<b>Ông Huỳnh Nam Anh</b>	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	4	100%	-
4	<b>Bà Phạm Thị Cẩm Hà</b>	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	4	100%	-
5	<b>Bà Tô Thị Thu Vân</b>	Thành viên HĐQT	3	75%	Bệnh
6	<b>Ông Nguyễn Minh Cường</b>	Thành viên HĐQT	4	100%	-

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của BTGD và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS Công ty kiểm tra các vấn đề:

- \* Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- \* Các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.
- \* HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BTGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- \* Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.



Thông tin chung

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 22 quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư... Các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với điều lệ công ty.

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	18/01/2012	V/v thông qua báo cáo thực hiện thủ tục ĐTXD công trình 428 Nguyễn Tất Thành P.18 Q.4
2	02/QĐ-HĐQT	03/02/2012	V/v nâng ngạch và xếp lương cho cán bộ thuộc Công ty năm 2011
3	03/QĐ-HĐQT	04/02/2012	V/v thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2012
4	04/QĐ-HĐQT	09/03/2012	V/v phê duyệt bán tàu Viễn Đông 3
5	05/QĐ-HĐQT	09/03/2012	V/v phê duyệt bán tàu Viễn Đông 5
6	06/QĐ-HĐQT	09/03/2012	V/v phê duyệt bán tàu VTC Light
7	07/QĐ-HĐQT	20/03/2012	V/v cử cán bộ Công ty đi công tác nước ngoài
8	08/QĐ-HĐQT	20/03/2012	V/v nâng bậc lương năm 2011
9	09/QĐ-HĐQT	20/03/2012	V/v nâng bậc lương năm 2011
10	10/QĐ-HĐQT	06/04/2012	V/v cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Cty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông
11	11/NQ-HĐQT	06/04/2012	V/v Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của Cty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông
12	12/NQ-HĐQT	18/04/2012	Nghị quyết của HĐQT phiên họp ngày 13/04/2012
13	13/QĐ-HĐQT	20/04/2012	V/v Miễn nhiệm cán bộ (chức vụ kế toán trưởng)
14	14/QĐ-HĐQT	20/04/2012	V/v Bổ nhiệm cán bộ (chức vụ kế toán trưởng)
15	15/QĐ-HĐQT	11/06/2012	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm 2012
16	16/NQ-HĐQT	18/06/2012	V/v Bảo lãnh vay vốn tín dụng của Ngân Hàng ACB cho PIDIMEX JSC năm 2012
17	17/QĐ-HĐQT	11/06/2012	V/v Điều chỉnh giá bán tàu VTC Light – trọng tải 21.964 DWT
18	18/QĐ-HĐQT	20/08/2012	V/v Chuyển xếp lương cán bộ
19	19/NQ-HĐQT	30/08/2012	Nghị quyết HĐQT Phiên họp 27/08/2012
20	20/QĐ-HĐQT	25/09/2012	V/v Phê chuẩn và ban hành Quy chế công tác cán bộ Công ty
21	21/NQ-HĐQT	06/11/2012	Nghị quyết HĐQT Phiên họp 05/11/2012
22	22/QĐ-HĐQT	24/12/2012	V/v Khen thưởng Ban Chấp hành Công đoàn Công ty nhiệm kỳ IX (2008-2013)

*e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị*

Để nâng cao hiệu quả quản lý, Hội đồng quản trị Công ty đã thành lập 4 tiểu ban là: Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Chiến lược phát triển, Tiểu ban Chính sách đãi ngộ, Tiểu ban Tài chính và thông tin.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thành viên của các tiểu ban đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.

*f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có*



## 2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát	
<p><b>Vũ Minh Phượng</b></p> 	<p><b>Trưởng ban</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh năm : 1959</li> <li>Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 0,0056%</li> </ul>
<p><b>Nguyễn Thị Băng Tâm</b></p> 	<p><b>Thành viên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năm sinh : 1961</li> <li>Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh.</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 0,018%</li> </ul>
<p><b>Lê Thị Hồng Ánh</b></p> 	<p><b>Thành viên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năm sinh : 1980</li> <li>Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ứng dụng</li> <li>Tỷ lệ sở hữu : 0%</li> </ul>

*Những thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2012*

STT	Công tác	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ngày hiệu lực
1	Miễn nhiệm	<b>Thái Văn Can</b>	Trưởng BKS	2007 – 2012	26/04/2012
2	Bầu bổ sung	<b>Vũ Minh Phượng</b>	Thành viên BKS	2007 – 2012	26/04/2012
3	Bổ nhiệm	<b>Vũ Minh Phượng</b>	Trưởng BKS	2007 – 2012	26/04/2012



Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành quản lý sản xuất và những cố gắng, đoàn kết của toàn thể cán bộ CNV, sỹ quan thuyền viên Công ty phấn đấu vượt qua khó khăn duy trì hoạt động ổn định.

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tháng của Công ty, Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin, đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo tính độc lập khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc điều hành sản xuất, quy chế nội bộ của công ty. Nhìn chung các kiến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát đã được lãnh đạo công ty xem xét và điều chỉnh bổ sung kịp thời.

Ban Kiểm soát đã đề xuất Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) là đơn vị kiểm toán độc lập năm 2012. Qua 2 đợt kiểm toán soát xét giữa kỳ và cuối năm 2012, Ban Kiểm soát đã phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm soát sổ sách chứng từ kế toán và các báo cáo tài chính định kỳ quý, năm của Công ty; tổ chức thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị với Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2012, Ban Kiểm soát đã họp 9 lần để trao đổi, thống nhất chương trình kế hoạch, những vấn đề cần xem xét của từng thời kỳ và nội dung báo cáo, đề xuất với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban Kiểm soát tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong công tác tổ chức kiểm soát số liệu kế toán và lập báo cáo tài chính cũng như các công tác quản lý sản xuất, kế hoạch đầu tư của công ty và một số công việc khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật. Nội dung biên bản các cuộc họp đều được báo cáo HĐQT và lưu trữ theo đúng quy định.

Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ (2008 – 2012), Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng các nhiệm vụ giám sát theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo sự phân công của Ban trong từng năm. Qua kiểm soát cho thấy, hàng năm Công ty thực hiện công bố thông tin đúng thời hạn quy định; số liệu báo cáo tài chính đúng chuẩn mực chế độ kế toán; công tác quản lý lưu trữ chứng từ sổ sách kế toán của Công ty đã được thanh tra Bộ Tài Chính, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ kiểm tra và đánh giá Công ty đã thực hiện đúng các quy định Pháp luật.



### 3. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

*Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2012 (Đvt: Đồng)
1	<b>Huỳnh Hồng Vũ</b>	Chủ tịch HĐQT	185.528.574
2	<b>Trương Đình Sơn</b>	Tổng GD kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	148.422.852
3	<b>Huỳnh Nam Anh</b>	Phó Tổng GD kiêm Thành viên HĐQT	129.870.000
4	<b>Phạm Thị Cẩm Hà</b>	Phó Tổng GD kiêm Thành viên HĐQT	129.870.000
5	<b>Tô Thị Thu Vân</b>	Thành viên HĐQT	129.870.000
6	<b>Nguyễn Minh Cường</b>	Thành viên HĐQT	129.870.000
7	<b>Vũ Minh Phượng</b>	Trưởng BKS	84.501.579
8	<b>Thái Văn Can</b>	Trưởng BKS	45.568.421
9	<b>Nguyễn Thị Bằng Tâm</b>	Thành viên BKS	92.764.287
10	<b>Lê Thị Hồng Ánh</b>	Thành viên BKS	92.764.287
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.169.030.000</b>

*Ghi chú:*

7. Bà Vũ Minh Phượng, giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 04/2012 - nay;

8. Ông Thái Văn Can, giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 01- 04/2012;

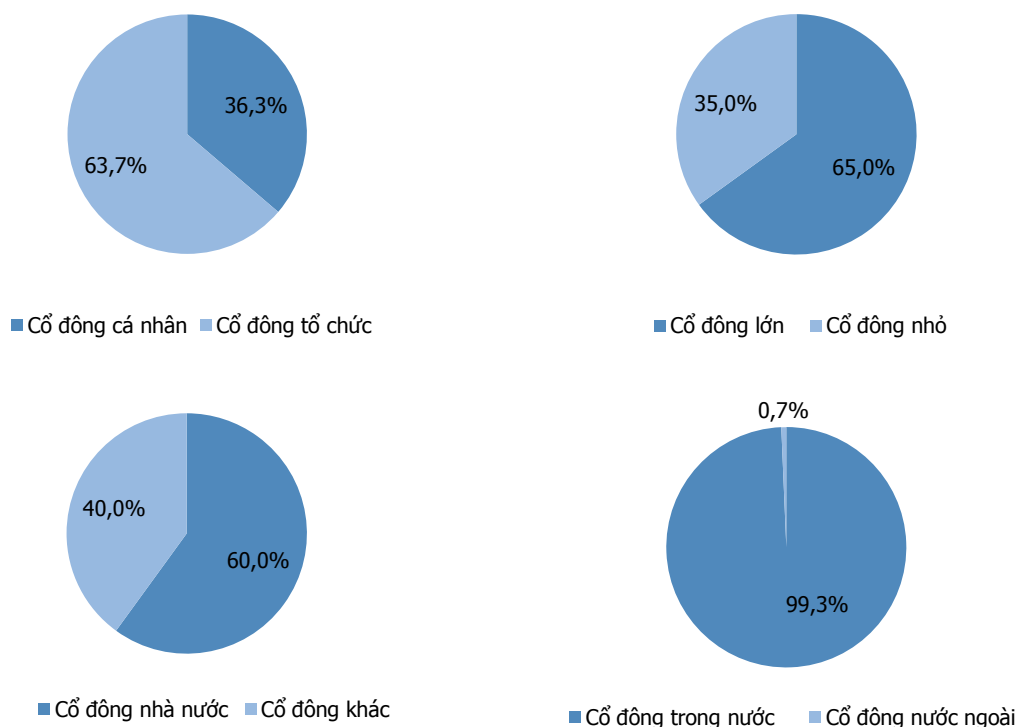


#### 4. Thông tin về cổ phần và cổ đông

Số lượng cổ phiếu công ty đăng ký phát hành : 58.999.337 cổ phần.  
 Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VNĐ  
 Số cổ phiếu ưu đãi : không có.  
 Số cổ phiếu phổ thông : 58.999.337 cổ phần  
 Cổ phiếu đang lưu hành : 58.999.337 cổ phần  
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 58.999.337 cổ phần  
 Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : không

#### Cơ cấu cổ đông đến ngày 18/03/2013

### Cơ cấu cổ đông



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **không có**

Giao dịch cổ phiếu quỹ: **không có**

#### a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Ông Trương Đình Sơn – Phó CT HĐQT, TGD Công ty - mua 1.199.993 CP VST (giao dịch từ ngày 26/06/2012 – 25/07/2012) tăng số lượng CP nắm giữ từ 1.775.085 CP (chiếm tỷ lệ 0,1309% VDL) lên 2.975.078 CP (chiếm tỷ lệ 5,042%).
- Bà Phạm Thị Cẩm Hà – TV HĐQT, Phó TGD Công ty - mua 40.000 CP VST (giao dịch từ ngày 20/12/2012 – 08/01/2013) tăng số lượng CP nắm giữ từ 77.248 CP (chiếm tỷ lệ 0,1309% VDL) lên 117.248 CP (chiếm tỷ lệ 0,1987%)



*b. Thông tin về cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu*

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
<b>1</b>	<b>Huỳnh Hồng Vũ</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>		<b>45.475</b>	<b>0,0771</b>
1.2	Vũ Thị Liên Hương		Vợ	29.500	0,0500
<b>2</b>	<b>Trương Đình Sơn</b>	<b>Phó Chủ tịch HĐQT - TGD</b>		<b>2.975.078</b>	<b>5,042</b>
<b>3</b>	<b>Huỳnh Nam Anh</b>	<b>Thành viên HĐQT - Phó TGD</b>		<b>96.962</b>	<b>0,1643</b>
<b>4</b>	<b>Phạm Thị Cẩm Hà</b>	<b>Thành viên HĐQT - Phó TGD</b>		<b>117.248</b>	<b>0,1987</b>
4.1	Nguyễn Gia Hiển		Chồng	9.000	0,0153
<b>5</b>	<b>Tô Thị Thu Vân</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>		<b>7.375</b>	<b>0,0125</b>
<b>6</b>	<b>Vũ Minh Phượng</b>	<b>Trưởng Ban Kiểm Soát</b>		<b>3.245</b>	<b>0,0055</b>
6.1	Nguyễn Kỳ Trung		Chồng	14.750	0,0250
6.2	Nguyễn Vũ Phương Quỳnh		Con ruột	14.750	0,0250
<b>7</b>	<b>Nguyễn Thị Bằng Tâm</b>	<b>Thành viên Ban KSoát</b>		<b>10.620</b>	<b>0,0180</b>
<b>8</b>	<b>Dương Đình Ninh</b>	<b>Phó TGD</b>		<b>20.207</b>	<b>0,0342</b>
8.1	Từ Thị Cúc	Trưởng Trạm Y tế Cty	Vợ	1.622	0,0027
<b>9</b>	<b>Mai Thị Thu Vân</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		<b>8002</b>	<b>0,0136</b>
9.1	Nguyễn Thị Ái Minh		Mẹ	1.000	0,0017
9.2	Phan Văn Phúc		Chồng	1.700	0,0029
9.3	Mai Thế Anh		Em ruột	2.500	0,0042
9.4	Mai Thế Dũng		Em ruột	7	0,0000

*c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **không có***

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

VST

## **VI. Báo cáo tài chính**



Số: 30 /CPA HANOI - BCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập ngày 18/01/2013 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 08 đến trang 35 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

**Lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính**

Chi phí khấu hao cơ bản của đội tàu giảm 158,5 tỷ đồng do công ty thực hiện theo Công văn số 2684/HHVN-TC ngày 08/11/2012 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và công văn 148/BTC-TCĐN ngày 03/04/2012 của Bộ Tài chính; không thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Dò**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>301.645.235.474</b>	<b>462.491.114.746</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>44.281.020.522</b>	<b>176.583.837.773</b>
1. Tiền	111		12.281.020.522	118.684.557.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	57.899.280.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>111.021.529.766</b>	<b>120.542.902.409</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	66.963.800.646	66.713.671.346
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	47.060.012.652	45.973.281.963
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	2.787.283.299	12.004.356.831
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5.789.566.831)	(4.148.407.731)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>87.071.570.430</b>	<b>102.783.476.814</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	87.146.351.751	102.783.476.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(74.781.321)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.271.114.756</b>	<b>62.580.897.750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	17.957.777.004	24.494.629.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.013.903.020	26.180.583.728
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.07	169.566.946	101.835.277
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	14.129.867.786	11.803.849.516
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.717.610.204.989</b>	<b>2.793.149.055.746</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>423.297.453</b>	<b>484.447.198</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.09	423.297.453	484.447.198
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.666.867.083.299</b>	<b>2.741.689.510.433</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.659.365.324.716	2.725.731.317.829
- Nguyên giá	222		4.062.442.728.415	4.061.557.279.908
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.403.077.403.699)	(1.335.825.962.079)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.641.244.614	-
- Nguyên giá	228		7.609.224.547	338.146.453
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.967.979.933)	(338.146.453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		V.12	2.860.513.969	15.958.192.604
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>50.319.824.237</b>	<b>50.975.098.115</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	48.977.322.037	49.704.702.675
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.342.502.200	1.270.395.440
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.019.255.440.463</b>	<b>3.255.640.170.492</b>

0,0  
 100  
 100  
 100  
 100

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.481.601.602.622</b>	<b>2.593.552.436.358</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>792.264.931.522</b>	<b>907.509.242.782</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	473.166.455.831	606.124.505.340
2. Phải trả người bán	312	V.16	198.536.161.024	158.996.474.758
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	252.398.719	550.567.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.934.760.228	10.799.819.237
5. Phải trả công nhân viên	315		47.274.440.119	56.892.401.282
6. Chi phí phải trả	316	V.19	41.381.095.329	55.187.135.836
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.20	15.993.349.577	11.068.957.236
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi			4.726.270.695	7.889.381.593
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.689.336.671.100</b>	<b>1.686.043.193.576</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.21	6.895.035.901	6.999.996.292
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	8.404.589.178	8.162.921.101
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	1.668.295.105.293	1.668.337.524.176
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.24	64.124.908	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	21.452.204
7. Doanh thu chưa thực hiện		V.25	5.677.815.820	2.521.299.803
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>529.227.333.694</b>	<b>652.690.338.202</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.26</b>	<b>529.227.333.694</b>	<b>652.690.338.202</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		589.993.370.000	589.993.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88.258.000	88.258.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.888.759.180)
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.019.466.659	4.867.022.070
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.055.589.742	4.898.589.961
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.889.309.186	4.880.131.143
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(75.818.659.893)	49.851.726.208
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIÊU SỔ</b>	<b>433</b>	<b>V.27</b>	<b>8.426.504.147</b>	<b>9.397.395.932</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.019.255.440.463</b>	<b>3.255.640.170.492</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi		V.28	2.383.167.675	10.469.703.728
2. Ngoại tệ các loại (USD)		V.28	425.540,84	5.490.475,56
3. Ngoại tệ các loại (EUR)		V.28	6.365,73	33,64

Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

TP HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trương Đình Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.29	1.549.689.361.691	1.895.826.325.412
2. Các khoản giảm trừ	VI.30	36.525.062.840	39.008.486.826
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.31	1.513.164.298.851	1.856.817.838.586
4. Giá vốn hàng bán	VI.32	1.409.643.885.456	1.616.605.984.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		103.520.413.395	240.211.853.830
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.33	10.665.961.989	32.990.947.927
7. Chi phí tài chính	VI.34	142.999.811.154	388.354.806.798
- Trong đó: Chi phí lãi vay		134.197.690.159	170.976.204.196
8. Chi phí bán hàng	VI.35	40.598.046.629	55.480.503.171
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.36	57.867.301.576	72.620.697.695
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(127.278.783.975)	(243.253.205.907)
11. Thu nhập khác	VI.37	8.398.783.332	281.094.048.049
12. Chi phí khác	VI.38	5.697.497.531	32.715.873.829
13. Lợi nhuận khác		2.701.285.801	248.378.174.220
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(124.577.498.174)	5.124.968.313
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.39	121.788.435	8.711.979.257
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.40		(6.027.893.346)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(124.699.286.609)	2.440.882.402
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		272.487.547	1.353.495.164
19. Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)		(124.971.774.156)	1.087.387.239
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.41	(2.113,57)	41,37

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

Tổng Giám đốc



Trương Đình Sơn

19-  
T T  
CH  
DÁ  
104  
101



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.454.968.775.916	1.935.324.568.807
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.085.349.895.314)	(1.223.730.073.872)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(213.683.466.616)	(252.845.130.684)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(98.504.844.685)	(169.256.546.827)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(536.231.530)	(20.073.517.937)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	43.408.661.720	146.220.518.965
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(78.348.251.477)	(263.161.216.713)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.954.748.014</b>	<b>152.478.601.739</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.575.230.964)	(44.513.254.966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.044.958.866	270.284.734.948
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.982.027.356	3.011.454.263
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.548.244.742)</b>	<b>228.782.934.245</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.088.371.157.723	1.199.324.139.188
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.218.646.920.774)	(1.363.938.378.243)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.520.000.000)	(71.451.427.840)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(132.795.763.051)</b>	<b>(236.065.666.895)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(133.389.259.779)</b>	<b>145.195.869.089</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	176.583.837.773	32.484.776.236
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.086.442.528	(1.096.807.552)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	44.281.020.522	176.583.837.773

Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2013.

Tổng Giám đốc



Trương Đình Sơn

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2012**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 6 ngày 17 tháng 07 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

*Theo đó:*

Tên giao dịch : Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam  
 Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY  
 Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC  
 Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

*(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*

**Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh  
 Điện thoại : 08 39 404 271/125  
 Fax : 08 39 404 711  
 Website : <http://www.vitranschart.com.vn>  
 Email : [vte-hcm@vitranschart.com.vn](mailto:vte-hcm@vitranschart.com.vn)

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337  
 Ngày niêm yết : 20/02/2009  
 Ngày chính thức giao dịch : 26/02/2009

**Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị

Thông tin về đơn vị trực thuộc

a. Trung tâm Đào tạo, mới giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)

Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh  
 Mã chi nhánh: 0300448709003

b. CN Vitranschart tại Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5A Vũ Thị Sáu, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
 Mã chi nhánh: 0300448709007

c. CN Vitranschart tại Đà Nẵng

Địa chỉ: Tòa nhà Savico, 66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng



Mã chi nhánh: 0300448709006

d. CN Vitranschart tại Bình Định

Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, Tỉnh Bình Định  
Mã chi nhánh: 0300448709008

e. CN Vitranschart tại Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Tp Vũng Tàu  
Mã chi nhánh: 0300448709005

f. VP Đại diện tại Hà Nội

P1101, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

**Danh sách và địa chỉ các công ty con:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
g. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598
h. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

**1.2 Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cán hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

**1.3 Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**





- Chi phí khấu hao cơ bản của đội tàu giảm 158,5 tỷ đồng do công ty thực hiện theo Công văn số 2684/HHVN-TC ngày 08/11/2012 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và công văn 148/BTC-TCDN ngày 03/04/2012 của Bộ Tài chính; không thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.
- Trong bối cảnh thị trường vận tải biển suy thoái kéo dài, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của hầu hết các doanh nghiệp cùng ngành, kể cả Vitranschart: thu không đủ bù chi đo giá cước giảm hơn 90% so với đỉnh cao năm 2008 và giảm 15%-20% tùy mặt hàng so với năm 2011, trong khi các khoản chi phí đầu vào đều tăng (nhiên liệu, cảng phí, lãi vay,...) nên kết quả kinh doanh lỗ là khó tránh khỏi.
- Công ty đã thực hiện cơ cấu nợ gốc và lãi vay mua, đóng tàu theo hướng dẫn tại công văn số 2506/NHNN-CSTT và quyết định 780/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến thời điểm 31/12/2012, hầu hết các ngân hàng đã đồng ý cho Công ty giãn nợ 02 năm (2012-2013), kéo dài thời gian trả nợ thêm 01 hoặc 02 năm tùy từng dự án, tổng số tiền được giãn trả nợ năm 2012 gần 300 tỷ đồng, vì vậy khả năng trả nợ cơ bản đã cải thiện.
- Khoản vay và nợ ngắn hạn tại Bảng Cân đối kế toán của Công ty là khoản vay vốn theo hợp đồng hạn mức có thời hạn 01 năm nhưng được tái kỳ hàng năm, duy trì năm này qua năm khác nên không như hợp đồng ngắn hạn thông thường. Khoản vay này thường được chính ngân hàng tài trợ mua tàu cấp tín dụng để phục vụ hoạt động của tàu. Tuy nhiên, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, Công ty phải trình bày tại khoản mục Nợ ngắn hạn.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Kỳ kế toán:

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### 2.3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1).
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2).
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3).
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4).
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### 2.4. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Kế toán máy, Công ty sử dụng phần mềm kế toán trong hệ thống phần mềm ERP - SAP để ghi chép kế toán.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

T.Đ  
 T.Đ  
 K  
 và  
 =



**3.1 Ước tính kế toán:**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

**3.2 Tiền và tương đương tiền:**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:* là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

**3.3 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm hạch toán, riêng ngoại tệ nhận về tài khoản ngân hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Chênh lệch tỷ giá nếu có được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá sử dụng đánh giá lại số dư tại thời điểm 31/12/2012 là 20.820 đồng/USD.

**3.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

01/12/2012  
 02/12/2012  
 03/12/2012  
 04/12/2012  
 05/12/2012  
 06/12/2012  
 07/12/2012  
 08/12/2012  
 09/12/2012  
 10/12/2012  
 11/12/2012  
 12/12/2012



Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng tổn thất hàng tồn kho được tính và trích lập như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3.6 Nguyên tắc ghi nhận TSCD và khấu hao TSCD:**

Nguyên tắc ghi nhận TSCD (hữu hình, vô hình, thuế tài chính):

Tài sản cố định được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCD bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCD vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (hữu hình, vô hình):

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính; Mức khấu hao được thực hiện theo Công văn số 2684/HIVN-TC ngày 08/11/2012 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và công văn 148/BTC-TCDN ngày 03/04/2012. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 50 năm
  - Máy móc, thiết bị 03 - 12 năm
  - Phương tiện vận tải 06 - 20 năm
  - Thiết bị văn phòng 03 - 08 năm
  - Tài sản vô hình 03 - 08 năm
- \* Lãi, lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.



**3.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**3.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**3.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

11/11/2012



Chi phí khác: Chi phí phát sinh trong kỳ ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính được ghi nhận là chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong 1 năm, chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong 2 đến 3 năm.

**3.10 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Các khoản trích trước chi phí có nghĩa vụ phải trả năm hiện hành được phân loại nợ ngắn hạn, còn lại phân loại nợ dài hạn.
- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

**3.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ được lấy theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản tại Ngân hàng thương mại ngày 31/12/2012. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 179/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận từ kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác: Được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**3.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng Được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng; và
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:



Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**3.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
  - + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
  - + Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
  - + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
  - Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



3.14 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

<Trang tiếp theo>

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính





V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (DVT: đồng)

	Cuối năm	Đầu năm
<b>1 Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt	354.869.316	392.997.170
- Tiền gửi Ngân hàng	11.926.151.206	118.291.560.603
- Các khoản tương đương tiền	32.000.000.000	57.899.280.000
<b>Cộng</b>	<b>44.281.020.522</b>	<b>176.583.837.773</b>
<b>2 Phải thu khách hàng</b>		
Phải thu khách hàng nước ngoài	27.095.121.488	20.684.839.474
Phải thu khách hàng trong nước	7.271.878.991	15.189.015.345
Phải thu khách hàng SSR	2.256.474.569	5.604.234.936
Phải thu khách hàng Pdimex	30.340.325.598	25.235.581.591
<b>Cộng</b>	<b>66.963.800.646</b>	<b>66.713.671.346</b>
<b>3 Trả trước cho người bán</b>		
Trả trước người bán nước ngoài	41.672.476.684	42.456.654.443
Trả trước người bán trong nước	3.517.432.473	1.394.642.741
Trả trước người bán SSR	25.578.115	34.698.199
Trả trước người bán Pdimex	1.844.525.380	2.087.286.580
<b>Cộng</b>	<b>47.060.012.652</b>	<b>45.973.281.963</b>
<b>4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Phải thu khác	2.787.283.299	12.004.356.831
+ Văn phòng công ty	2.152.521.781	10.926.658.375
* Hoàn phí bảo hiểm 2011	1.293.349.686	956.421.760
* Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin		9.016.267.628
* Các khoản phải thu khác	859.172.095	953.968.987
+ Trung tâm SCC	162.969.934	695.057.597
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Hải Phòng	2.000.000	2.000.000
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	5.800.000	5.800.000
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Bình Định	268.183.162	53.846.265
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	8.457.395	9.978.395
+ Phải thu khác SSR	40.684.902	93.650.852
+ Phải thu khác Pdimex	146.666.125	217.365.347
<b>Cộng</b>	<b>2.787.283.299</b>	<b>12.004.356.831</b>
<b>5 Hàng tồn kho</b>		
- Nguyên vật liệu	64.705.994.180	76.917.772.224
- Công cụ dụng cụ	22.225.701.068	25.574.096.196
- Chi phí SXKD dở dang	214.656.503	291.608.394
<b>Cộng</b>	<b>87.146.351.751</b>	<b>102.783.476.814</b>

12/1 19 2012 12/1 2012



- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	74.781.321	
<b>Giá trị thuần</b>	<b>87.071.570.430</b>	
<b>6 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ	163.846.809	351.541.826
- Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hỏa hoạn	3.264.761.280	4.832.373.801
- Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	13.791.414.636	12.620.629.520
- Chi phí vật tư đội tàu	-	5.530.151.678
- Chi phí phân bổ khác	65.597.500	136.075.607
- Chi phí trả trước ngắn hạn các chi nhánh	450.440.220	644.553.159
- Chi phí trả trước ngắn hạn SSR	-	667.425
- Chi phí trả trước ngắn hạn Pdimex	221.716.559	378.636.213
<b>Cộng</b>	<b>17.957.777.004</b>	<b>24.494.629.229</b>
<b>7 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (SSR)	155.730.214	83.884.622
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa (SSR, VTC Đà Nẵng)	13.836.732	17.950.655
<b>Cộng</b>	<b>169.566.946</b>	<b>101.835.277</b>
<b>8 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tạm ứng	13.980.736.786	11.659.924.341
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	149.131.000	143.925.175
<b>Cộng</b>	<b>14.129.867.786</b>	<b>11.803.849.516</b>
<b>9 Phải thu dài hạn khác</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Các khoản phải thu dài hạn khác	423.297.453	484.447.198
<i>Thuế GTGT tiền thuế đất tại Quy Nhơn</i>	<i>423.297.453</i>	<i>484.447.198</i>
<b>Cộng</b>	<b>423.297.453</b>	<b>484.447.198</b>
<b>10 Tài sản cố định hữu hình</b>		<Phụ lục số 1>
<b>11 Tài sản cố định vô hình</b>		<Phụ lục số 2>
<b>12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Xây dựng cơ bản	79.177.527	9.425.078.524
<i>Dự án ứng dụng CNTT</i>	<i>-</i>	<i>7.102.248.318</i>
<i>Dự án nâng cấp hệ thống email và mạng ty</i>	<i>-</i>	<i>2.119.621.870</i>
<i>Dự án đóng tàu 56.000 DWT</i>	<i>79.177.527</i>	<i>203.208.336</i>
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.781.336.442	6.533.114.080
<i>Sửa chữa định kỳ tàu Viễn Đông 3</i>	<i>2.781.336.442</i>	
<i>Sửa chữa định kỳ tàu VTC Ace</i>	<i>-</i>	<i>4.335.216.444</i>





- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TPHCM : Tài sản thế chấp là tàu VTC Ace và tàu VTC Tiger, hạn mức tín dụng là 136 tỷ đồng, lãi suất cho vay do ngân hàng quy định theo từng kỳ.
- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN TPHCM : Tài sản thế chấp là tàu VTC Light, hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, lãi suất cho vay do ngân hàng quy định theo từng kỳ.
- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng : tín chấp, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, lãi suất cho vay do ngân hàng quy định theo từng kỳ.

16	Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
	Phải trả người bán nước ngoài	117.158.060.007	95.655.537.792
	Phải trả người bán trong nước	67.025.349.358	54.975.626.063
	Phải trả người bán SSR	1.254.322.188	893.696.332
	Phải trả người bán Pdimex	13.098.429.471	7.471.614.571
	<b>Cộng</b>	<b>198.536.161.024</b>	<b>158.996.474.758</b>
17	Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
	- Người mua nước ngoài trả tiền trước	219.044.968	358.567.500
	- Người mua trong nước trả tiền trước	33.353.751	192.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>252.398.719</b>	<b>550.567.500</b>
18	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
	- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	335.837.022	257.621.934
	- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	13.746.708	25.645.029
	- Thuế xuất nhập khẩu	1.734.148	12.479.585
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.193.490.586	7.600.212.997
	- Thuế thu nhập cá nhân	3.139.905.364	2.903.859.692
	- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	250.046.400	-
	<b>Cộng</b>	<b>10.934.760.228</b>	<b>10.799.819.237</b>
19	Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
	- VTC - cảng phí nước ngoài	23.198.890.820	35.141.329.431
	- Tiền ăn của thuyền viên	8.749.395.344	5.166.099.981
	- Lãi vay phải trả	7.911.952.730	11.631.509.436
	- Trích trước phân bổ CP SCL tàu Viễn Đông 3	386.296.728	2.692.819.600
	- Trung tâm ĐT MG & XKTVPN (SCC)	398.358.881	276.380.944
	- CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Hải Phòng	51.210.000	78.994.008
	- CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Bình Định	1.493.909	1.152.600
	- Chi phí phải trả SSR	-	103.831.000
	- Chi phí phải trả Pdimex	683.496.917	95.018.836
	<b>Cộng</b>	<b>41.381.095.329</b>	<b>55.187.135.836</b>

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



	Cuối năm	Đầu năm
<b>20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	7.735.237.540	5.291.478.871
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.841.418.088	1.039.275.758
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.416.693.949	4.738.202.607
<b>Cộng</b>	<b>15.993.349.577</b>	<b>11.068.957.236</b>
<b>21 Phải trả dài hạn người bán</b>		
- Tiền thuê đất tại Quy Nhơn	6.895.035.901	6.999.996.292
<b>Cộng</b>	<b>6.895.035.901</b>	<b>6.999.996.292</b>
<b>22 Phải trả dài hạn khác</b>		
- Phải trả các khoản khác dài hạn	8.404.589.178	8.162.921.101
<i>Phải trả đồng tàu</i>	<i>8.404.589.178</i>	<i>8.162.921.101</i>
<b>Cộng</b>	<b>8.404.589.178</b>	<b>8.162.921.101</b>
<b>23 Vay và nợ dài hạn</b>		
<b>a. Vay dài hạn (*)</b>	<b>1.619.546.267.580</b>	<b>1.649.477.752.356</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	440.874.966.820	449.609.625.852
Ngân hàng TMCP Á Châu	315.338.528.760	340.157.886.504
Sở giao dịch 2 ngân hàng phát triển VN	41.596.000.000	41.596.000.000
Chi nhánh Ngân hàng phát triển TP Hải Phòng	293.206.600.000	293.206.600.000
Ngân hàng TMCP Bào Việt - CN TPHCM	257.127.000.000	257.225.800.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN TPHCM	363.480.000	6.508.750.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	66.207.600.000	68.315.840.000
Ngân hàng Natixis- Chi nhánh TPHCM	203.632.092.000	191.357.250.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Bình Định	1.200.000.000	1.500.000.000
<b>b. Nợ dài hạn</b>	<b>48.748.837.713</b>	<b>18.859.771.820</b>
Tổng Công ty Hàng Hải VN	9.762.776.491	18.859.771.820
Nợ dài hạn khác	38.986.061.222	-
<b>Cộng</b>	<b>1.668.295.105.293</b>	<b>1.668.337.524.176</b>
(*) Vay dài hạn đến hạn trả Quý 1/2013: 3.538.917.500 đồng (gồm 164.000.00 USD và 124.437.500 đ)		
<b>24 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản	64.124.908	-
<b>Cộng</b>	<b>64.124.908</b>	<b>-</b>
<b>25 Doanh thu chưa thực hiện</b>		
- Văn phòng Công ty	5.483.474.487	2.122.663.440
- CN Cty CP vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng		13.636.363
- CN Cty CP vận tải và thuê tàu biển VN tại Bình Định	194.341.333	385.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.677.815.820</b>	<b>2.521.299.803</b>



26. Vốn chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>		<Phụ lục số 3>
<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ đông khác	235.993.370.000	235.993.370.000
<b>Cộng</b>	<b>589.993.370.000</b>	<b>589.993.370.000</b>
<i>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	589.993.370.000	589.993.370.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	589.993.370.000	589.993.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Năm trước	71.451.427.840	
+ Năm nay (*)	2.520.000.000	
(*) Cổ tức của công ty con Paimex đã trả cho cổ đông thiểu số; Công ty mẹ không trả cổ tức cho các cổ đông.		
<i>d. Cổ tức</i>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	Chưa công bố	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	Không có	
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chưa ghi nhận	Không có	
<i>đ. Cổ phiếu</i>	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.999.337	58.999.337
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.999.337	58.999.337
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP>	10.000	10.000
<i>e. Các quỹ của Công ty</i>	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.019.466.659	4.867.022.070
- Quỹ dự phòng tài chính	5.055.589.742	4.898.589.961
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.889.309.186	4.880.131.143
<b>Cộng</b>	<b>14.964.365.587</b>	<b>14.645.743.174</b>
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty		
- Quỹ đầu tư phát triển dùng để:		



- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty;
- + Góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để:
- + Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

27 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

<Phụ lục số 4>

28 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	2.383.167.675	10.469.703.728
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	425.540,84	5.490.475,56
Euro (EUR)	6.365,73	33,64

(\*) Nợ khó đòi đã xử lý khi cổ phần hóa được bán giao về Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**29 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.549.209.430.330	1.895.263.071.857
- Doanh thu hoạt động KD khác	479.931.361	563.253.555
<b>Cộng</b>	<b>1.549.689.361.691</b>	<b>1.895.826.325.412</b>

**30 Các khoản giảm trừ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giảm giá hàng bán	36.525.062.840	39.008.486.826
<b>Cộng</b>	<b>36.525.062.840</b>	<b>39.008.486.826</b>

**31 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.512.684.367.490	1.856.254.585.031
- Doanh thu thuần hoạt động KD khác	479.931.361	563.253.555
<b>Cộng</b>	<b>1.513.164.298.851</b>	<b>1.856.817.838.586</b>

**32 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.409.643.885.456	1.616.605.984.756
<b>Cộng</b>	<b>1.409.643.885.456</b>	<b>1.616.605.984.756</b>

**33 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.487.950.752	2.889.312.169
- Lãi CLTG đánh giá lại sổ dư cuối kỳ	833.299.887	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.344.647.755	29.502.389.084
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	63.595	599.246.674
<b>Cộng</b>	<b>10.665.961.989</b>	<b>32.990.947.927</b>

**34 Chi phí tài chính**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí lãi vay	134.197.690.159	170.976.204.196
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.802.070.052	79.056.284.689

01  
 CỎ  
 SẮC  
 TÊN  
 KẾ  
 TÀI  
 SỬ

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	138.312.275.831
- Chi phí tài chính khác	50.943	10.042.082
<b>Cộng</b>	<b>142.999.811.154</b>	<b>388.354.806.798</b>

Thông tin chung

**35 Chi phí bán hàng**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí hoa hồng môi giới	18.309.333.596	19.043.554.762
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.132.448.185	2.081.706.790
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	60.957.225	53.162.036
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.173.939	1.478.485
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.384.710.228	31.849.263.709
- Chi phí bằng tiền khác	1.704.423.456	2.451.337.389
<b>Cộng</b>	<b>40.598.046.629</b>	<b>55.480.503.171</b>

Tình hình hoạt động

**36 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí nhân viên quản lý	37.568.954.737	48.011.637.680
- Chi phí vật liệu quản lý	691.165.007	1.221.291.121
- Chi phí đồ dùng văn phòng	344.258.443	561.634.589
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.208.843.792	3.232.866.318
- Thuế, phí và lệ phí	1.633.529.850	1.601.993.230
- Chi phí dự phòng	5.576.801.635	5.364.972.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.562.638.913	4.847.813.361
- Chi phí bằng tiền khác	5.281.109.199	7.778.489.140
<b>Cộng</b>	<b>57.867.301.576</b>	<b>72.620.697.695</b>

Báo cáo Ban Giám đốc

**37 Thu nhập khác**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.045.068.866	270.286.734.948
- Thu nhập khác	7.353.714.466	10.807.313.101
<b>Cộng</b>	<b>8.398.783.332</b>	<b>281.094.048.049</b>

Đánh giá Hội đồng quản trị

**38 Chi phí khác**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	658.255.292	29.738.896.180
- Chi phí còn sót của TSCĐ đã thanh lý	2.456.753.863	
- Mức miễn thường tàu đã thanh lý, khác	2.582.488.376	2.976.977.649
<b>Cộng</b>	<b>5.697.497.531</b>	<b>32.715.873.829</b>

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính

109  
77  
193  
04  
06  
31



39 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	121.788.435	8.711.979.257
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước vào năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121.788.435</b>	<b>8.711.979.257</b>

40 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Thuế TN hoãn lại các khoản chênh lệch tạm thời	-	(6.027.893.346)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(6.027.893.346)</b>

41 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(124.699.286.609)	2.440.882.402
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán phân bổ	-	-
- Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông phổ thông	(124.699.286.609)	2.440.882.402
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	58.999.337	58.999.337
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.113,57)	41,37

42 Chi phí SXKD theo yếu tố

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	619.256.184.710	654.402.896.719
- Chi phí nhân công	240.059.383.528	286.964.679.919
- Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	68.868.691.408	165.120.616.467
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.110.454.945	216.441.301.299
- Chi phí khác bằng tiền	404.626.169.253	422.069.299.612
<b>Cộng</b>	<b>1.507.920.883.844</b>	<b>1.744.998.794.016</b>

(\*) Quý IV năm 2012, Công ty hạch toán giảm 75% chi phí khấu hao đội tàu theo công văn số 2684/HHVN-TC ngày 08/11/2012 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và công văn 148/BTC-TCDN ngày 03/04/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, chi phí khấu hao so với mức quy định tại Thông tư 203/TT-BTC lấy kể năm 2012 giảm 158,5 tỷ đồng.

43 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ theo PP trực tiếp

Ảnh hưởng bởi số tiền gửi tương đương tiền 32 tỷ đồng tại NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn CN Mạc Thị Bưởi - TP Hồ Chí Minh. Khoản này doanh nghiệp đang tạm thời chưa sử dụng do được cầm cố để vay các khoản vốn lưu động tại ngân hàng này.

Thông tin chung

Tình hình hoạt động

Báo cáo Ban Giám đốc

Đánh giá Hội đồng quản trị

Quản trị công ty

Báo cáo tài chính



**VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**44 Công cụ tài chính**

**1- Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ (+) với thặng dư vốn cổ phần, trừ (-) đi cổ phiếu quỹ (nếu có).

**2- Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền	12.281.020.522	12.281.020.522
- Tương đương tiền	32.000.000.000	32.000.000.000
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	117.234.394.050	111.444.827.219
<b>Cộng</b>	<b>161.515.414.572</b>	<b>155.725.847.741</b>

**3- Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư tại ngày 31/12/2012

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	2.141.461.561.124
- Phải trả người bán	205.431.196.925
- Phải trả khác	24.397.938.755
<b>Cộng</b>	<b>2.371.290.696.804</b>

**4- Quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ này.

**Rủi ro thị trường:** Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán để điều chỉnh giá hợp lý.

**Rủi ro tín dụng:** Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại, dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người	198.536.161.024		6.895.035.901	205.431.196.925
Khoản vay	473.166.455.831	363.480.000	1.619.182.787.580	2.092.712.723.411
Khoản nợ		48.748.837.713		48.748.837.713
Các khoản phải trả khác	15.993.349.577	8.404.589.178		24.397.938.755
<b>Cộng</b>	<b>687.695.966.432</b>	<b>57.516.906.891</b>	<b>1.626.077.823.481</b>	<b>2.371.290.696.804</b>



**5- Tài sản đảm bảo**

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem thuyết minh số 15
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem thuyết minh số 23 và số 10

**45 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính

**46 Thông tin về các bên liên quan: Thuyết minh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất**

**1- Mua hàng hóa, dịch vụ**

*Doanh số mua  
đồng*

- Công ty CP vận tải và thuê tàu biển VN Dịch vụ hành chính nội bộ Đại diện Hà Nội (SCC)	72.000.000 72.000.000
- Công ty TNHH MTV SC tàu biển Phương Nam (SSR) Dịch vụ sửa chữa tàu biển (VTC)	4.640.619.953 4.640.619.953
- Công ty CP Cung ứng DV Hàng Hải và XNK Phương Đông Dịch vụ sửa chữa tàu biển (VTC) Cung cấp vật tư (VTC) Đại lý tàu biển (VTC)	4.726.230.445 1.802.260.412 2.433.493.300 490.476.733
- Trung tâm đào tạo, môi giới và XK thuyền viên Phía Nam Cho thuê thuyền viên (VTC)	12.464.904.000 12.464.904.000
- Chi nhánh VTC tại Bình Định Đại lý tàu biển (VTC)	70.631.812 70.631.812
- Chi nhánh VTC tại Bà Rịa - Vũng Tàu Đại lý tàu biển (VTC)	16.028.273 16.028.273

**2- Công nợ**

*Tại 31/12/2012  
đồng*

- Công ty TNHH MTV SC tàu biển Phương Nam (SSR) Phải trả	5.092.855.686 5.092.855.686
- Công ty CP Cung ứng DV Hàng Hải và XNK Phương Đông Phải trả	8.438.105.127 8.438.105.127
- Trung tâm đào tạo, môi giới và XK thuyền viên Phía Nam Phải trả VTC Hải Phòng	4.566.057 4.566.057

**47 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2011 do đơn vị lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

**48 Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

**49 Những thông tin khác**



- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau.

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Mai Thi Thu Van*

Mai Thị Thu Vân

Trưởng giám đốc



Trương Đình Sơn



**TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2013**  
**CTCP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

# *MUÔN GIAN KHÓ HẢI TRÌNH VƯỢT QUA THÀNH CÔNG TỚI*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SĐT : (84 - 08) 39404271

Fax : (84 - 08) 39404711

Email : [vtc-hcm@vitranschart.com.vn](mailto:vtc-hcm@vitranschart.com.vn)

Website : [www.vitranschart.com.vn](http://www.vitranschart.com.vn)